

THÔNG BÁO

Mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, như sau:

1. Thời gian: 8h00' ngày 17/4/2026

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo danh sách tổng hợp tính đến ngày 13/3/2026.

- Cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người tham dự. Việc ủy quyền được làm bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm). Người nhận không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Nội dung chính của Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026
- Thông qua tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
- Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:

Để Đại hội được tổ chức chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền trước 15h00 ngày 15/4/2026 tới địa chỉ: Công ty Cổ

phần Nước sạch Lai Châu. Số 9, Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. Điện thoại 0213.3876.297 hoặc Đ/c Nam: 0902.148.569.

6. Tài liệu Đại hội:

Toàn bộ tài liệu Đại hội được đăng trên website của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại <https://capnuoclaichau.vn>

Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.

Trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.



Ghi chú: Khi đến tham dự Đại hội, quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: CCCD/CMND (hoặc hộ chiếu) và Giấy ủy quyền họp lệ tham dự ĐH (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**XÁC NHẬN THAM DỰ
HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

Kính gửi: **Ban Tổ chức Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026**

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....Fax.....Email:.....

Tính đến ngày 13/3/2026, tổng số cổ phần sở hữu:.....

(*Bằng chữ:.....*)

Xác nhận tham dự phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, tổ chức vào 8h00 phút, ngày 17/4/2026 tại Hội trường Công ty CP Nước sạch Lai Châu.

: **Trực tiếp tham dự** : **Ủy quyền tham dự** : **Không tham dự**

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

.....

Ghi chú: Đề nghị quý Cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu *Giấu ủy quyền* kèm theo), gửi Fax và bản chính về Công ty trước 15h ngày 15/4/2026.

Người liên hệ:

Ông Lê Tuấn Nam

- Điện thoại: 0902.148.569



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (tính đến ngày 13/3/2026) của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

(*Bằng chữ:*.....)

2. Bên nhận ủy quyền:

Ông (bà):.....

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

3. Nội dung ủy quyền:

- Được quyền thay mặt người ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức vào 8h00 ngày 17/4/2026.

- Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và tham gia biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

5. Trách nhiệm của các bên

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú: Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 15h00' ngày 15/4/2026

Người được ủy quyền khi đi tham dự Đại hội mang theo CCCD/Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền bản gốc, tài liệu dự họp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, nắm giữcổ phần (bằng chữ.....), chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):
CMTND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần nhận ủy quyền:

Nội dung ủy quyền

- Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức vào 8h00 ngày 17/4/2026;
- Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và tham gia biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền..
- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Người được ủy quyền¹
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm 2026
Đại diện nhóm cổ đông ủy quyền
(Ký tên trong Danh sách kèm theo)

Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 15h00' ngày 15/4/2026
Người được ủy quyền khi đi tham dự Đại hội cần mang theo CCCD/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phong - Tỉnh Lai Châu

Website: <https://capnuoclaichau.com.vn>

Tel: (0213) 3876 297

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Lai Châu, năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phong - Tỉnh Lai Châu
Website: <https://capnuoclaichau.vn>
Tel: (0213) 3876 297

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 8h00' ngày 17/4/2026 (Thứ 6)

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Thời gian	Nội dung làm việc
8h00 đến 8h30	- Đón khách - Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu.
8h30 đến 9h00	- Chào cờ, Tuyên bố lý do, Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội. - Thông qua “Chương trình Đại hội”. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. - Bầu Đoàn Chủ tịch Điều hành ĐH. - Chủ tọa giới thiệu danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua.
9h00 đến 9h15	- Phát biểu khai mạc Đại hội - Thông qua “Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên”.
9h15 - 10h30	Đoàn Chủ tịch điều hành ĐH:
	1. Thông qua Báo cáo Kết quả SXKD năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026
	2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030
	3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
	4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026
	5. Thông qua tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026
	6. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026
	7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025
	8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026
	9. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
	10. ĐH thảo luận và tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại ĐH
11. Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
10h30 đến 10h45	12. Báo cáo kết quả kiểm phiếu
10h45 - 11h00	Ban thư ký thông qua Biên bản Đại hội, nghị quyết Đại hội.
	Bế mạc Đại hội.

Số: /KH-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Tình hình chung

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch và xây dựng các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh. Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân nên Công ty có thị trường tiêu thụ ổn định và phát triển.

Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành 10 nhà máy, trạm xử lý nước với tổng công suất thiết là 33.500 m³/ng.đêm, cung cấp nước sạch cho 06 xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, gồm: Phường Tân Phong, phường Đoàn Kết, xã Than Uyên, xã Bình Lư, xã Phong Thổ và xã Sìn Hồ.

a. Thuận lợi

- Công tác cung cấp nước sạch luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của chính quyền địa phương và sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp số trong quản lý điều hành đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu suất làm việc.

- Hệ thống dây chuyền xử lý nước và mạng lưới đường ống từng bước được đầu tư, cải tạo theo hướng hiện đại, góp phần đảm bảo chất lượng nước, duy trì cấp nước ổn định và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tập thể người lao động có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động phối hợp với Ban lãnh đạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

b. Khó khăn

- Các lĩnh vực du lịch, thương mại, dịch vụ và sản xuất vật chất trên địa bàn tỉnh phát triển chưa mạnh; đồng thời việc tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp làm thay đổi cơ cấu nhu cầu sử dụng nước tại một số cơ quan, đơn vị dẫn đến số lượng khách hàng và sản lượng tiêu thụ tăng chậm.

- Giá vật tư, thiết bị, máy móc và chi phí nhân công phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch thường xuyên biến động tăng, trong khi giá bán lẻ nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Một số hạng mục hạ tầng cấp nước đã xuống cấp sau thời gian dài khai thác, trong khi nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, gây khó khăn cho công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới cấp nước.

- Chất lượng, lưu lượng nguồn nước thô tại một số sông, suối có xu hướng suy giảm do tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động khai thác tài nguyên và sản xuất, làm tăng chi phí xử lý và ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống cấp nước.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Dưới sự lãnh chỉ đạo của HĐQT, công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc, năm 2025 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch	TH 2025/TH 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	46.100	48.447	105,1	105,5
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	45.650	47.775,2	104,7	105,2
-	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	450	648,2	144,0	126,2
-	Thu nhập khác	Tr. đồng	-	23,68	-	137,5
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.650	4.712	101,3	101,5
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	45.700	48.036	105,1	105,5
-	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	37.050	39.818	107,5	107,6
-	Chi phí tài chính	Tr. đồng	5,0	4,0	80,0	69,4
-	Chi phí bán hàng	Tr. đồng	120	173,6	144,7	141,4
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	8.275	7.850	94,9	95,0
-	Chi phí khác	Tr. đồng	30	86,9	289,7	315,8
-	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tr. đồng	110,0	102,1	92,8	95,6
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	400	411	102,8	102,8
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,1	8,1	100,0	107,3

6	Tổng số thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	3.910	4.044	103,4	103,5
	<i>Phi BVMT ĐVN TSH</i>	Tr.đồng		3.085		
	<i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i>	Tr.đồng		2.535		
	<i>Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	Tr.đồng		-2.252		
	<i>Các loại thuế khác</i>	Tr.đồng		676		
7	Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	215.865,14	217.319,70	100,7	100,1
8	Tổng tài sản	Tr.đồng	236.204,83	237.080,49	100,4	100,4
9	Hiệu quả sử dụng vốn:					
-	Tỉ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,17	0,17	102,0	102,0
-	Tỉ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0,18	0,19	105,1	105,1
-	Khả năng sinh lợi:Lợi nhuận/DT thuần	%	0,88	0,85	96,4	96,4

3. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ

- Thực hiện nhiệm vụ cấp nước

+ Thực hiện công tác khảo sát, mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng sử dụng nước đảm bảo kế hoạch; Công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước được quản lý chặt chẽ, chất lượng dịch vụ cấp nước ngày càng được nâng cao.

+ Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 đạt 4,712 triệu m³. Doanh thu tiền nước đạt 41.541,5 triệu đồng tăng 1,8% so với năm 2024. Phát triển mới 761 khách hàng trên địa bàn toàn tỉnh. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 78,7% (gồm phường Đoàn Kết và phường Tân Phong), tỷ lệ dân số khu vực nông thôn do công ty quản lý đạt 54,4% (gồm xã Than Uyên, xã Bình Lư, xã Phong Thổ và xã Sìn Hồ).

+ Công tác chống thất thu, thất thoát tiếp tục được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo, tỷ lệ thất thoát giảm xuống còn 20,1% (giảm 0,2% so với năm 2024). Các sự cố cấp nước được phát hiện, khắc phục kịp thời đảm bảo cấp nước ổn định phục vụ nhu cầu của khách hàng.

- Về tình hình đầu tư xây dựng: Các dự án, công trình được quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng quy trình, quy định của nhà nước. Trong năm 2025 đã triển khai đầu tư, xây dựng 28 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trên 19,85 tỷ đồng.

- Sản xuất nước tinh khiết Lawa: Trong năm 2025, Chi nhánh đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường, sản phẩm đảm bảo chất lượng theo quy định. Tổng sản lượng nước tinh khiết Lawa đạt: 60.500 bình, 5.700 kiện 300ml, 1.500 kiện 500ml. Doanh thu đạt trên 985 triệu đồng, tăng 4,24% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện tài trợ, ủng hộ cho các hoạt động, chương

trình an sinh xã hội và phát triển cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 là: 200 bình, 250 kiện 0,3ml, với tổng giá trị gần 15 triệu đồng.

- *Quản lý, vận hành công trình thủy điện:* Công ty thực hiện quản lý khai thác Nhà máy thủy điện Nà Khảm doanh thu năm 2025 đạt 585,6 triệu đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính, vật tư bán lẻ, phát triển mạng cấp III và thu nhập khác đạt 5.334,19 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Mục tiêu

Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026. Duy trì ổn định sản xuất và cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và các cổ đông, ổn định đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	50.000
-	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	Tr. đồng	49.380
-	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	Tr. đồng	600
-	<i>Thu nhập khác</i>	Tr. đồng	20
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.780
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	49.585
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	Tr. đồng	41.102
	<i>Chi phí tài chính</i>	Tr. đồng	5
	<i>Chi phí bán hàng</i>	Tr. đồng	185
	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	Tr. đồng	8.083
	<i>Chi phí khác</i>	Tr. đồng	100
	<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	Tr. đồng	110
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	415
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,15
6	Tổng số thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr. đồng	500
-	<i>Phí BVMT ĐVN TSH</i>	Tr. đồng	0
-	<i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i>	Tr. đồng	2.640
-	<i>Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	Tr. đồng	-2.640
-	<i>Các loại thuế khác</i>	Tr. đồng	500

7	Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	217.800
8	Tổng tài sản	Tr.đồng	237.080,5
9	Hiệu quả sử dụng vốn:		
-	Tỉ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,2
-	Tỉ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0,19
-	Khả năng sinh lợi: Lợi nhuận/DT thuần	%	0,84

Công ty dừng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt từ tháng 01/2026 theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định 346/2025/NĐ-CP, nên số nộp ngân sách nhà nước năm 2026 dự kiến giảm so với năm 2025.

4. Định hướng đầu tư năm 2026

Căn cứ kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị xem xét, lựa chọn các danh mục đầu tư đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của công ty và đảm bảo theo các quy định của pháp luật. Kế hoạch đầu tư tập trung vào các nội dung sau:

+ Đầu tư cải tạo, nâng cấp một số công trình cấp nước, bao gồm trạm xử lý, bể lọc, công trình thu nước nhằm đảm bảo công suất khai thác, chất lượng nước và vận hành ổn định; đầu tư tuyến ống nước thô từ hồ chứa nước Giang Ma về Trạm cấp nước Tả Lèng.

+ Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước tại một số khu dân cư và khu vực chưa có mạng lưới cấp nước nhằm mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng mới và khai thác hiệu quả công suất các nhà máy nước.

+ Lắp đặt bổ sung một số tuyến ống cấp nước tại các khu vực đã có mạng lưới, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối nước, nâng cao khả năng cấp nước và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân.

+ Cải tạo, sửa chữa, thay thế một số tuyến ống cấp nước đã xuống cấp, hư hỏng, kết hợp bảo dưỡng, thau rửa đường ống nhằm đảm bảo chất lượng nước và giảm thất thoát nước sạch.

+ Thay thế đồng hồ đo nước của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng, góp phần nâng cao độ chính xác trong đo đếm và quản lý doanh thu.

+ Đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Công ty và các chi nhánh, đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

5. Giải pháp thực hiện:

- Về thực hiện cấp nước:

+ Tổ chức tốt công tác sản xuất và cung cấp nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và đạt chất lượng theo QCVN 01:2023/LCh Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Tăng cường công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các công trình, thiết bị nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể về chống thất thoát, thất thu nước sạch, đề ra các giải pháp và lộ trình cụ thể nhằm từng bước giảm tỷ lệ thất thoát nước theo mục tiêu kế hoạch.

+ Chú trọng công tác quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng, mở rộng thị trường, mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng và sản lượng tiêu thụ nước sạch.

- Về quản lý đầu tư xây dựng:

+ Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước và khả năng cân đối nguồn vốn của Công ty.

+ Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng; kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án, công trình đầu tư.

+ Từng bước hiện đại hóa hệ thống cấp nước, đầu tư lắp đặt các thiết bị giám sát áp lực, lưu lượng và chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước và các trạm xử lý nhằm nâng cao mức độ an toàn và ổn định của hệ thống cấp nước.

- Về tài chính:

+ Chủ động cân đối và chuẩn bị đầy đủ nguồn tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.

+ Tăng cường thực hành tiết kiệm, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Thường xuyên cập nhật, nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật trong lĩnh vực tài chính, kế toán để tham mưu kịp thời cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, điều hành.

- Về tổ chức và quản trị:

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, định mức quản lý phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

+ Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, người lao động; đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

+ Thực hiện sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trong các lĩnh vực kỹ thuật, kế hoạch, quản trị và quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

- Về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:

+ Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý hệ thống cấp nước, quản lý dữ liệu khách hàng, quản lý đồng hồ nước và sản lượng tiêu thụ.

+ Kết nối, khai thác dữ liệu từ các thiết bị đo đếm, giám sát lưu lượng và chất lượng nước với hệ thống quản lý dữ liệu tập trung nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, phân tích dữ liệu và điều hành vận hành hệ thống cấp nước.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ công ty;
- HĐQT Công ty;
- BGĐ, BKS Công ty;
- Lưu HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
ĐT: (0231) 3 876 297 – Fax: (0231) 3 876 296

F2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

GIAI ĐOẠN 2026-2030

MỤC LỤC

I. HIỆN TRẠNG CÔNG TY.....	1
1.1. Giới thiệu chung.....	1
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
1.3. Tình hình công ty	2
1.3.1. Đặc điểm về thể chế và nguồn nhân lực	2
1.3.2. Thực trạng về tài sản	4
1.3.3. Thực trạng sản xuất kinh doanh	6
1.3.4. Phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL).....	9
1.3.5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)	12
II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026- 2030.....	14
2.1. Cơ sở hoạch định.....	14
2.2. Mục tiêu phát triển	14
2.3. Chiến lược phát triển.....	14
2.4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu giai đoạn đến năm 2030	15
2.5. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030.....	17
2.6. Các giải pháp chủ yếu	17
2.6.1. Giải pháp về quản lý	18
2.6.2. Giải pháp về tổ chức và nhân sự	19
2.6.3. Giải pháp về đầu tư và tài chính.....	19
2.6.4. Giải pháp kỹ thuật	20
2.6.5. Duy trì và mở rộng thị trường	21
2.6.6. Giải pháp tăng cường quan hệ và sự hỗ trợ từ chính quyền đô thị, cộng đồng ..	21
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	21
3.1. Vai trò và trách nhiệm của ban lãnh đạo.....	21
3.2. Vai trò và trách nhiệm của từng bộ phận	22

I. HIỆN TRẠNG CÔNG TY

1.1. Giới thiệu chung

- (1). **Tên công ty:** Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu
Tên tiếng Anh: Lai Chau Clean Water Joint Stock Company
- (2). **Trụ sở chính:** Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
Điện thoại: 02313 876 297
- (3). **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** 6200000230
- (4). **Mã số thuế:** 6200000230
- (5). **Vốn điều lệ:** 215.865.140.000 đồng
- (6). **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:**
 - Quản lý vận hành các công trình cấp nước.
 - Sản xuất và cung cấp nước sạch.
 - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
 - Xây dựng và lắp đặt các hệ thống cấp, thoát nước.
 - Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước, điện dân dụng.
 - Xây dựng các công trình: Dân dụng; giao thông; thủy lợi vừa và nhỏ; công trình điện từ 0,4 đến 35 KV.
 - Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.
 - Tư vấn, khảo sát thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - Thoát nước và xử lý nước thải
- (7). **Phạm vi hoạt động:**

Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu là đơn vị khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Nước sạch Lai Châu có quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tiền thân là Công ty Cấp thoát nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Lai Châu.
 - Ngày 30/12/2005, UBND tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước Lai Châu thành Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu.
 - Ngày 31/03/2015 UBND tỉnh Lai Châu có Quyết định số 261/QĐ-UBND phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu thành Công ty cổ phần.
 - Ngày 14/12/2015 Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất và ngày 06/01/2016 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
-

- Trong giai đoạn đầu khi mới được thành lập, số nhân viên của Công ty chỉ mới có 9 người và công suất cấp nước của Công ty chỉ có 2.000 m³/ngày đêm. Hiện nay, tổng công suất thiết kế hệ thống cấp nước của Công ty là 33.500 m³/ngày đêm.

1.3. Tình hình công ty

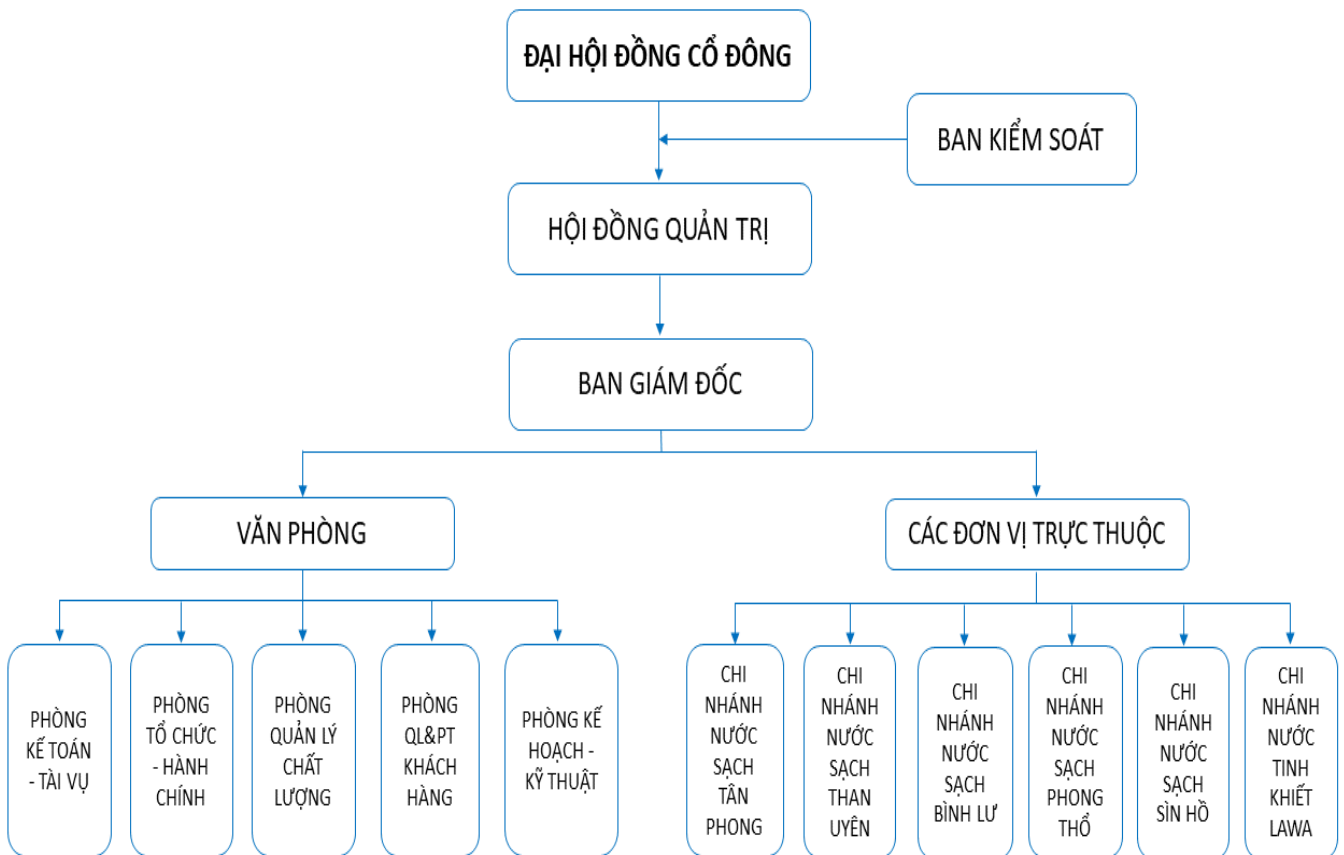
1.3.1. Đặc điểm về thể chế và nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có các cổ đông như sau:

- Cổ đông là Nhà nước; chiếm giữ 97,85% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác: Chiếm giữ 2,15% vốn điều lệ

Công ty có các đơn vị sau:

- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Quản lý và phát triển khách hàng.
- Các chi nhánh: Chi nhánh nước sạch Tân Phong; Chi nhánh nước sạch Sìn Hồ; Chi nhánh nước sạch Phong Thổ; Chi nhánh nước sạch Bình Lư; Chi nhánh nước sạch Than Uyên; Chi nhánh sản xuất nước tinh khiết Lawa



Hình I-1: Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu

Bảng I-1: Đặc điểm nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu

STT	Các bộ phận trong công ty	Phân theo trình độ đào tạo				Phân theo kinh nghiệm		
		Tổng số	Đại học & trên đại học	Cao đẳng & trung cấp	Công nhân	< 5 năm	5-10 năm	> 10 năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	01	0	0	0	0	01
2	Ban Giám đốc	02	02	0	0	0	0	02
3	Phòng Tổ chức - Hành chính	09	06	0	03	0	01	08
4	Phòng Kế toán - Tài vụ	09	08	01	0	0	0	09
5	Phòng Quản lý chất lượng	05	02	01	02	0	0	05
6	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	04	04	0	0	01	02	01
7	Phòng Quản lý & Phát triển khách hàng	05	05	0	0	0	0	05
8	Chi nhánh nước Tân Phong	41	08	10	23	1	2	38
10	Chi nhánh sản xuất nước tinh khiết Lawa	06	01	02	03	0	0	06
11	Chi nhánh nước sạch Sin Hồ	07	04	02	01	02	01	04
12	Chi nhánh nước Phong Thổ	13	03	03	07	02	01	10
13	Chi nhánh nước Bình Lư	09	01	04	04	03	0	06
14	Chi nhánh nước Than Uyên	22	02	0	20	04	01	17
Tổng cộng		133	47	23	63	13	8	112
		100%	36%	17%	47%	10%	6,0%	84%

Bảng I-2: Tình hình phát triển nguồn nhân lực từ 2023 đến 2025

Số TT	Đặc điểm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Tổng số cán bộ, nhân viên (người)	140	138	133
1.1.	Đại học và trên đại học (người)	45	47	47
1.2.	Trung cấp và cao đẳng (người)	37	35	36
1.3.	Công nhân (người)	58	56	50
2.	Chi phí đào tạo (triệu đồng)	160	120	90

Hiện tại, Công ty có tổng số 133 cán bộ công nhân viên; trong đó trình độ đại học và trên đại học 47 người (33%), cao đẳng và trung cấp 23 người (17%). Số lao động có trên 10 năm kinh nghiệm chiếm 84%, trong khi số lao động có dưới 5 năm kinh nghiệm là 13 người (10%). Nhìn chung cơ cấu lao động của Công ty tương đối hợp lý, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

Đây là nguồn lực quan trọng giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định và đảm bảo vận hành an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

Với tổng công suất thiết kế hệ thống cấp nước khoảng 33.500 m³/ngày đêm, tỷ lệ lao động trên công suất đạt khoảng 3,97 lao động/1.000 m³/ngày. Mức này cao hơn so với một số doanh nghiệp cấp nước tại các đô thị lớn, nguyên nhân chủ yếu do đặc thù địa bàn miền núi, hệ thống cấp nước phân tán tại nhiều khu vực, quy mô các nhà máy nhỏ và cần bố trí lực lượng vận hành tại nhiều điểm cấp nước khác nhau.

1.3.2. Thực trạng về tài sản

Bảng I-3: Tài sản về đất đai được Nhà nước cho Công ty thuê

Số TT	Đơn vị	Diện tích đất (m ²)
1	Nhà điều hành Công ty	4914,0
2	Nhà máy nước Tả Lèng	39187,9
3	Trạm xử lý và cấp nước Nậm Loỏng	7958,0
4	Trạm xử lý và cấp nước Nùng Nàng	5144,4
5	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Tân Phong	1277,4
6	Tuyến ống truyền tải nước sạch Tân Phong	33587,6
7	Nhà trực vận hành, trạm bơm, bể chứa nước sạch và Nhà máy sản xuất nước tinh khiết Lawa	1625,2
8	Trạm bơm và khu xử lý nước ngầm khu dân cư số 4	424,0
9	Trạm bơm và khu xử lý nước khu dân cư số 2	378,7
10	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Phong Thổ	379,9
11	Trạm xử lý và cấp nước Pa So, Phong Thổ	1461,9
12	Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó, Phong Thổ	1181,9
13	Nhà máy nước cửa khẩu Ma Lù Thàng, Phong Thổ	2157,5
14	Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư	2202,4
15	Trạm xử lý và cấp nước Sìn Hồ	500,1
16	Bể chứa nước sạch cấp đi Phăng Sô Lin, Sìn Hồ	385,7
17	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Than Uyên	1112,8
18	Nhà máy thủy điện Nà Khăm, Than Uyên	2099,5
19	Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà, Than Uyên	1425,9
20	Trạm xử lý nước sạch Mường Than, Than Uyên	1026,2

Về mặt đất đai, diện tích đất được nhà nước cho Công ty thuê 50 năm và đều được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của

Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Bảng I-4: Thực trạng về tài sản cố định của Công ty tại thời điểm tháng 12/2025

Số TT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1.	Nhà cửa, kho tàng, vật kiến trúc	76.777.168.200	49.031.729.363
2.	Máy móc thiết bị	59.874.845.314	29.250.531.595
3.	Phương tiện vận tải	1.124.230.908	321.282.232
4.	Thiết bị đường ống và TSCĐ khác	224.031.852.949	127.244.825.159
5.	Tài sản cố định vô hình	479.800.000	0
Tổng cộng		362.287.897.371	205.848.368.349

Bảng I-5: Thực trạng tài chính của Công ty giai đoạn 2023 đến 2025

(đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Tài sản	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A	Tổng tài sản	234.594,75	236.204,83	237.080,49
I.	Tài sản ngắn hạn	23.300,84	24.075,98	27.204,33
1.1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.658,88	235,87	72,57
1.2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.643,77	13.052,53	17.367,52
1.3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.686,9	3.628,56	4.872,44
1.4.	Hàng tồn kho	5.636,17	6.223,21	4.669,36
1.5.	Tài sản ngắn hạn khác	675,14	935,8	222,44
II.	Tài sản dài hạn	211.293,91	212.128,87	209.876,16
2.1.	Tài sản cố định	206.781,74	208.101,44	205.854,31
2.2.	Các khoản đầu tư dài hạn	3.063,3	1.179,35	431,22
2.3.	Tài sản dài hạn khác	1.448,85	2.848,16	3.590,63
B	Tổng nguồn vốn	234.594,75	236.204,83	237.080,49
1.	Nợ phải trả	17.814,02	19.072,83	19.760,79
1.1.	Nợ ngắn hạn	17.798,52	18.972,13	19.730,09
1.2.	Nợ dài hạn	15,5	30,7	30,7
2.	Vốn chủ sở hữu	216.780,73	217.202	217.319,70

Dữ liệu trên cho thấy các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty trong giai đoạn 2023-2025 tương đối ổn định. Hệ số tổng tài sản trên nợ phải trả luôn ở mức cao, cho thấy khả năng thanh toán tổng quát của doanh nghiệp tốt. Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, thể hiện mức độ độc lập và khả năng tự bảo đảm về tài chính của Công ty.

Tuy nhiên, tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp lớn, trong đó tỷ trọng tài sản dài hạn chiếm tỷ lệ cao do đặc thù đầu tư hệ thống hạ tầng cấp nước. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) còn ở mức thấp, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn chưa cao và khả năng thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế.

Nguyên nhân chủ yếu do lĩnh vực cấp nước là ngành dịch vụ công ích, chịu sự quản lý về giá của Nhà nước; trong khi chi phí đầu tư và vận hành hệ thống cấp nước lớn nên mức lợi nhuận của doanh nghiệp không cao.

Tuy nhiên, với cơ cấu nguồn vốn ổn định và mức độ độc lập tài chính cao, Công ty vẫn có điều kiện thuận lợi để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước thực hiện các kế hoạch đầu tư phát triển trong giai đoạn tới.

1.3.3. Thực trạng sản xuất kinh doanh

1.3.3.1. Cơ sở vật chất

Bảng I-6: Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hệ thống cấp nước của Công ty

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Giá trị
1.	Số lượng nhà máy nước	Nhà máy	10
1.1.	Nhà máy nước Tả Lèng	m ³ /ngày	16.000
1.2.	Trạm xử lý và cấp nước Nùng Nàng	m ³ /ngày	2.000
1.3	Trạm xử lý và cấp nước Quyết Thắng	m ³ /ngày	1.500
1.4	Trạm xử lý và cấp nước Pa So, Phong Thổ	m ³ /ngày	2.000
1.5	Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó, Phong Thổ	m ³ /ngày	2.000
1.6	Nhà máy nước cửa khẩu Ma Lù Thàng	m ³ /ngày	1.000
1.7	Trạm xử lý và cấp nước Sìn Hồ	m ³ /ngày	2.000
1.8	Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư	m ³ /ngày	2.000
1.9	Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà, Than Uyên	m ³ /ngày	3.000
1.10	Trạm xử lý và cấp nước Mường Than, Than Uyên	m ³ /ngày	2.000
2	Tổng công suất thiết kế các NMN. Trong đó:	m ³ /ngày	33.500
2.1.	(1) Nước mặt	m ³ /ngày	30.000
2.2.	(2) Nước ngầm	m ³ /ngày	3.500
3.	Tổng công suất phát ra mạng lưới	m ³ /ngày	16.000
4.	Chiều dài tuyến ống . Trong đó:	km	245,65
4.1.	Tuyến ống có đường kính > 300mm	km	9,379
4.2.	Tuyến ống có đường kính 75-300mm	km	123,345
4.3.	Tuyến ống có đường kính 32-75mm	km	203,818
4.4.	Tuyến ống làm bằng gang	km	34,156
4.5.	Tuyến ống làm bằng thép	km	66,435
4.6.	Tuyến ống làm bằng HDPE	km	125,099

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Giá trị
4.7.	Tuyến ống làm bằng PVC	km	22,437
4.8.	Tuyến ống bằng PPR	km	84,450
4.9	Tuyến ống làm bằng vật liệu khác	km	3,815

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hiện đang quản lý và vận hành 10 nhà máy và trạm cấp nước với quy mô công suất vừa và nhỏ, trong đó Nhà máy nước Tả Lèng là công trình có công suất lớn nhất với 16.000 m³/ngày. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy và trạm cấp nước đạt khoảng 33.500 m³/ngày, trong khi công suất phát ra mạng lưới hiện khoảng 16.000 m³/ngày. Điều này cho thấy hệ thống cấp nước của Công ty vẫn còn dư địa để khai thác, mở rộng thị trường và nâng cao sản lượng cấp nước, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch tại các đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh đang từng bước gia tăng.

Mạng lưới đường ống cấp nước của Công ty có tổng chiều dài khoảng 336,44 km, với các loại vật liệu chủ yếu gồm ống thép, HDPE, PPR, PVC và ống gang. Hệ thống đường ống hiện được phân bố trên địa bàn các phường, xã trung tâm của tỉnh Lai Châu và các vùng phụ cận, bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân trong khu vực. Hạ tầng mạng lưới hiện có cũng tạo điều kiện thuận lợi để từng bước mở rộng phạm vi cấp nước khi nhu cầu sử dụng nước sạch và quá trình phát triển đô thị tiếp tục gia tăng.

1.3.3.2. Trình độ công nghệ

Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, hệ thống giám sát từ xa để quản lý mạng lưới, giảm thất thoát nước và nâng cao an toàn cấp nước. Công ty đã có phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý khách hàng; phần mềm quản lý chất lượng nước; Hệ thống quan trắc các chỉ tiêu nước thô; phần mềm quản lý văn bản, hệ thống SCADA (01), đồng thời công ty đã triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4. 100% văn bản chỉ đạo điều hành được xử lý trên môi trường điện tử.

1.3.3.3. Triển vọng phát triển

Giai đoạn 2026-2030, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong bối cảnh tỉnh Lai Châu tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển đô thị và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính, cùng với định hướng phát triển hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh, sẽ tạo điều kiện để Công ty phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, từng bước mở rộng phạm vi phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cùng với quá trình đô thị hóa, sự phát triển của các khu dân cư, hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh dự kiến sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch trong những năm tới. Quy hoạch phát triển đô thị và hạ tầng kỹ

thuật được triển khai đồng bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, gia tăng sản lượng nước thương phẩm và từng bước giảm tỷ lệ thất thoát nước theo định hướng phát triển bền vững của ngành cấp nước.

Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng và nội tỉnh đang mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy giao thương, thu hút đầu tư và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa đặc trưng của khu vực Tây Bắc, Lai Châu có tiềm năng phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa. Sự phát triển của các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, thương mại và các hoạt động kinh tế - dịch vụ sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, qua đó tạo thêm dư địa tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ nước của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở những điều kiện thuận lợi nêu trên, cùng với việc tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đầu tư cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước, tăng cường công tác quản lý vận hành, giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có triển vọng duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, từng bước mở rộng thị trường cung cấp nước sạch và đóng góp tích cực vào việc bảo đảm an sinh xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2026-2030.

1.3.3.4. Kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất

Bảng I-7: Hiện trạng về quản lý vận hành

Số TT	Chỉ số	Đơn vị	Giá trị
1.	Số nhân viên/1000 m ³ /ngày	người	3,97
2.	Số nhân viên trên 1.000 đầu nối	người	5,05
3.	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước năm 2025	%	20,1
4.	Tỷ lệ mẫu nước thử đạt Quy chuẩn	%	100
5.	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch năm 2025	%	79
6.	Tỷ lệ khách hàng có khiếu nại năm 2025	%	0,01
7.	Phần mềm kế toán	Phần mềm	01
8.	Phần mềm quản lý khách hàng	Phần mềm	01
9.	Phần mềm quản lý văn bản	Phần mềm	01
10.	Hệ thống SCADA	Hệ thống	01
11.	Số khách hàng tính tại thời điểm tháng 12/2025	khách hàng	26.231

Bảng I-8: Thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh các năm từ 2023 đến 2025

Số TT	Hạng mục	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng sản lượng nước sạch có doanh thu (m ³ /năm)	4.637.000	4.643.864	4.721.686
2	Tổng doanh thu (triệu đồng); trong đó	43.917,6	45.476,03	48.447,19
2.1	Doanh thu từ bán nước sạch (triệu đồng)	38.924,87	40.792,82	41.866,34
2.2	Doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	4.992,91	5.214,11	6.580,86
3.	Tổng chi phí (triệu đồng)	43.525,32	45.607,16	48.035,29
3.1	Chi phí sản xuất nước sạch (triệu đồng)	38.904,57	40.764,82	41.831,1
3.2	Chi phí khác	4.620,75	4.842,34	6.204,19
4.	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	392,46	399,77	411,9
5.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	0,89	0,87	0,85

Kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất cho thấy doanh thu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt được còn ở mức thấp, lần lượt đạt 392,46 triệu đồng năm 2023; 399,77 triệu đồng năm 2024 và 411,9 triệu đồng năm 2025. Với mức lợi nhuận này, khả năng tích lũy nguồn vốn để đầu tư phát triển của Công ty còn hạn chế. Trong hoạt động sản xuất, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến cuối năm 2025 duy trì ở mức khoảng 20,1%. Với quy mô công suất cấp nước chưa cao, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch ở mức này vẫn còn tương đối cao, làm gia tăng chi phí sản xuất, đồng thời làm giảm doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

1.3.4. Phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL)

Yếu tố Chính trị ((Political):

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh, do đó chịu tác động trực tiếp từ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và của tỉnh Lai Châu trong phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.

Trong những năm gần đây, tỉnh Lai Châu đã và đang quan tâm đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và từng bước nâng cao tỷ lệ hộ dân được tiếp cận với nguồn nước sạch hợp vệ sinh. Các định hướng và chương trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong cung cấp nước sạch trên địa bàn, đồng thời mở rộng phạm vi cấp nước và phát triển khách hàng trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, do nước sạch là dịch vụ công thiết yếu liên quan trực tiếp đến đời sống người dân, chính quyền địa phương luôn yêu cầu bảo đảm cung cấp nước ổn định, an toàn và liên tục. Điều này đòi hỏi Công ty phải duy trì năng lực vận hành hệ thống cấp nước hiệu quả, đồng thời cân đối hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và trách nhiệm cung cấp dịch vụ công ích.

Yếu tố kinh tế (Economic)

Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Lai Châu trong những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hóa từng bước được nâng cao, các hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ngày càng phát triển. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng nhu cầu sử dụng nước sạch tại các đô thị, khu dân cư tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Tuy nhiên, Lai Châu vẫn là tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người chưa cao, dẫn đến khả năng chi trả cho dịch vụ nước sạch của một bộ phận người dân còn hạn chế. Đây là yếu tố ảnh hưởng nhất định đến việc mở rộng thị trường và lộ trình điều chỉnh giá nước theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí.

Bên cạnh đó, chi phí đầu vào của ngành cấp nước như điện năng, hóa chất xử lý nước, vật tư, thiết bị và chi phí vận hành hệ thống có xu hướng gia tăng theo biến động của thị trường. Điều này tạo áp lực nhất định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đòi hỏi Công ty phải tăng cường các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác hệ thống cấp nước.

Yếu tố Xã hội (Social)

Lai Châu là tỉnh miền núi, dân cư phân bố phân tán, quá trình đô thị hóa diễn ra chậm và quy mô dân số đô thị còn nhỏ. Nhu cầu sử dụng nước sạch tập trung chủ yếu tại trung tâm các xã, phường và một số khu dân cư tập trung; do đó quy mô thị trường nước sạch tuy có xu hướng tăng nhưng vẫn còn hạn chế so với các đô thị phát triển. Đồng thời, đặc điểm địa hình miền núi và dân cư phân tán cũng làm cho chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước và chi phí vận hành hệ thống cao hơn so với khu vực đồng bằng, trong khi sản lượng nước tiêu thụ tại nhiều khu vực chưa lớn, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả đầu tư hệ thống cấp nước.

Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhu cầu sử dụng nước sạch, đảm bảo vệ sinh và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được quan tâm. Đây là yếu tố thuận lợi để Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển khách hàng trong thời gian tới.

Yếu tố Công nghệ (Technological)

Sự phát triển của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực cấp nước đang tạo ra nhiều cơ hội để nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Các giải pháp công nghệ hiện đại như hệ thống giám sát và điều khiển tự động, công nghệ quan trắc trực tuyến, quản lý mạng lưới cấp nước theo vùng (DMA), hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các nền tảng quản lý dữ liệu ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong ngành cấp nước.

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu đã từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước. Công ty đã triển khai hệ thống SCADA trong quản lý, vận hành các nhà máy nước, cho phép giám sát và điều khiển từ xa các thông số kỹ thuật của hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư hệ thống quan trắc trực tuyến đối với chất lượng, lưu lượng nước, giúp theo dõi liên tục các chỉ tiêu quan trọng của quá trình khai thác và xử lý nước, kịp thời phát hiện các biến động của nguồn nước và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng nước cấp cho người dân.

Trong quản lý mạng lưới cấp nước, Công ty đã từng bước ứng dụng các giải pháp kiểm soát và điều tiết áp lực nước thông minh, góp phần ổn định áp lực trên mạng lưới, giảm nguy cơ rò rỉ, vỡ ống và hạn chế thất thoát nước. Đồng thời, Công ty cũng đang từng bước nghiên cứu áp dụng các phương pháp quản lý mạng lưới theo vùng và các công cụ số hóa dữ liệu hệ thống cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành trong thời gian tới.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, ngành cấp nước cũng đang từng bước chuyển dịch theo hướng ứng dụng công nghệ số và xây dựng hệ thống cấp nước thông minh (Smart Water). Xu hướng này tạo cơ hội để các doanh nghiệp cấp nước nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thất thoát nước, tối ưu hóa vận hành hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước số hóa dữ liệu và hiện đại hóa hệ thống quản lý, vận hành sẽ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực quản trị và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Yếu tố Môi trường (Environmental)

Nguồn nước phục vụ sản xuất nước sạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn nước mặt tự nhiên, chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện địa hình, khí hậu và sự biến động theo mùa. Do đặc điểm địa hình miền núi và chế độ thủy văn không ổn định, nhiều nguồn nước có lưu lượng nhỏ và thường xuyên suy giảm, thậm chí cạn kiệt cục bộ vào mùa khô, gây ảnh hưởng nhất định đến khả năng khai thác và cấp nước ổn định tại một số khu vực.

Bên cạnh đó, những năm gần đây tình hình thời tiết có nhiều biến động, các hiện tượng mưa lớn, lũ cục bộ hoặc khô hạn kéo dài có thể làm thay đổi lưu lượng và chất lượng nguồn nước, làm gia tăng yêu cầu trong công tác quản lý, khai thác và xử lý nước của các nhà máy nước.

Ngoài ra, yêu cầu về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước ngày càng được chú trọng; các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn nước, khai thác tài nguyên nước và xử lý chất thải trong quá trình sản xuất ngày càng chặt chẽ. Điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước, đồng thời đầu tư các giải pháp công nghệ và quản lý phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất nước sạch an toàn và bền vững.

Yếu tố Pháp lý (Legal)

Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, xây dựng, chất lượng nước sinh hoạt, cũng như các quy định về quản lý doanh nghiệp và nghĩa vụ thuế. Việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và bền vững.

Bên cạnh đó, hệ thống quy định pháp luật trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn chất lượng nước ngày càng được hoàn thiện và chặt chẽ hơn, đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát tuân thủ và đầu tư các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Đồng thời, trong bối cảnh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, minh bạch tài chính và thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

1.3.5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

Điểm mạnh:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, giữ vai trò chủ yếu trong việc cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất tại các đô thị, với thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và ít chịu sự cạnh tranh trực tiếp.
 - Hệ thống các nhà máy nước và mạng lưới cấp nước đã được đầu tư tại hầu hết các phường, xã trung tâm trên địa bàn tỉnh, tạo nền tảng thuận lợi cho việc mở rộng phạm vi và nâng cao năng lực cung cấp nước.
 - Đội ngũ cán bộ, công nhân viên có kinh nghiệm trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong điều kiện địa bàn miền núi.
 - Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tạo điều kiện chủ động hơn trong quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển và huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển.
-

Điểm yếu:

- Một số công trình cấp nước và mạng lưới đường ống được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuống cấp, làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước và chi phí vận hành.
- Năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư phát triển và nâng cấp hệ thống cấp nước đòi hỏi nguồn vốn lớn.
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước còn hạn chế.
- Hiệu quả khai thác công suất của một số công trình cấp nước chưa cao do sản lượng tiêu thụ còn thấp so với công suất thiết kế.

Cơ hội:

- Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lai Châu trong những năm tới sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch.
- Nhà nước và chính quyền địa phương ngày càng quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực cấp nước tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.
- Nhu cầu sử dụng nước sạch tại các khu đô thị, khu dân cư mới, khu du lịch và dịch vụ ngày càng tăng.

Thách thức:

- Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, vừa phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh vừa phải thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước ổn định phục vụ đời sống nhân dân, trong bối cảnh giá nước chưa phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất.
- Địa hình miền núi phức tạp, dân cư phân bố không tập trung làm tăng chi phí đầu tư và vận hành hệ thống cấp nước.
- Tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn ở mức tương đối cao, đòi hỏi phải có nguồn lực đầu tư để cải tạo và nâng cấp mạng lưới.
- Giá nước chịu sự quản lý của Nhà nước, việc điều chỉnh giá còn phụ thuộc vào cơ chế và chính sách của cơ quan quản lý.

Từ kết quả phân tích môi trường kinh doanh theo mô hình PESTEL và SWOT cho thấy Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có nhiều cơ hội để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đối mặt với một số khó khăn và thách thức do đặc thù địa bàn miền núi và nhu cầu đầu tư lớn cho hệ thống cấp nước. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026–2030 có ý

nghĩa quan trọng nhằm định hướng phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tới.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026- 2030

2.1. Cơ sở hoạch định

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua.
- Trên cơ sở đánh giá năng lực hiện có và tiềm năng phát triển của Công ty.
- Căn cứ phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL).

2.2. Mục tiêu phát triển

Trong giai đoạn 2026-2030, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu định hướng phát triển ổn định, bền vững, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ cấp nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu, với các mục tiêu chủ yếu sau:

- Từng bước mở rộng phạm vi cấp nước theo quy hoạch phát triển cấp nước của tỉnh; gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước sạch, nâng cao tỷ lệ dân số được tiếp cận và sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.
- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống công trình và mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cung cấp nước ổn định, an toàn cho các khu dân cư, khu dịch vụ và các khu vực có nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng.
- Bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định; kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.
- Tăng cường quản lý kỹ thuật và vận hành hệ thống nhằm giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu; đồng thời gia tăng sản lượng nước thương phẩm, doanh thu và hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hướng tới phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với cộng đồng.

2.3. Chiến lược phát triển

Giai đoạn 2026-2030, trong bối cảnh tỉnh Lai Châu tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng đô thị, phát triển dịch vụ và du lịch, cùng với việc từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng, nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa

bàn dự báo tiếp tục gia tăng. Trên cơ sở kế thừa kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn trước, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu định hướng phát triển theo hướng ổn định, bền vững, nâng cao năng lực cung cấp nước sạch và mở rộng phạm vi phục vụ trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện mục tiêu đó, Công ty tập trung triển khai các trụ cột chiến lược chủ yếu sau:

➤ ***Thứ nhất, phát triển và mở rộng hệ thống cấp nước.***

Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp các công trình cấp nước; bổ sung nguồn nước, nâng cao công suất các nhà máy xử lý nước và mở rộng hệ thống truyền dẫn, phân phối nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và du lịch trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy hoạch phát triển cấp nước và quy hoạch đô thị của địa phương.

➤ ***Thứ hai, mở rộng thị trường và gia tăng khách hàng sử dụng nước sạch.***

Từng bước mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng mới, nâng cao tỷ lệ dân số được tiếp cận và sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; đồng thời gia tăng sản lượng nước thương phẩm và doanh thu từ hoạt động cấp nước.

➤ ***Thứ ba, nâng cao hiệu quả vận hành và giảm thất thoát nước.***

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước; triển khai các giải pháp chống thất thoát theo khu vực và tuyến ống, từng bước giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu; đồng thời nâng cao năng lực cấp nước ổn định, an toàn và liên tục.

➤ ***Thứ tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và quản trị doanh nghiệp.***

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; đổi mới phương thức phục vụ, tăng cường tương tác với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực.

➤ ***Thứ năm, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.***

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và dịch vụ khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng phục vụ.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các trụ cột chiến lược trên, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường cung cấp nước sạch và từng bước phát triển bền vững, góp phần phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2026-2030.

2.4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu giai đoạn đến năm 2030

Bảng II-10: Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính giai đoạn từ 2026 đến 2030

Số TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2026	2027	2028	2029	2030
1.	Tổng tài sản	Tr.đồng	237.080,49	238.500,00	240.000,00	242.000,00	244.000,00
2.	Vốn điều lệ	Tr.đồng	215.865,14	215.865,14	215.865,14	215.865,14	215.865,14
3.	Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m ³	5.829	5.879	5.892	5.905	5.953
4.	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	4.780	4.850	4.920	4.990	5.060
5.	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân	(%)	18	17,5	16,5	15,5	15
6.	Giá bán nước máy bình quân	Đồng/m ³	9.700	10.500	11.000	11.500	11.800
7.	Tỷ lệ mẫu nước thử đạt chất lượng theo Quy chuẩn	%	100	100	100	100	100
8.	Tổng doanh thu, trong đó:	Tr.đồng	50.000,00	51.605,28	52.460,54	54.433,57	56.000,58
8.1.	- Doanh thu bán nước sạch	Tr.đồng	43.616,00	47.105,28	49.460,54	51.933,57	53.500,58
8.2.	- Doanh thu khác	Tr.đồng	6.384,00	4.500,00	3.000,00	2.500,00	2.500,00
9.	Tổng chi phí sản xuất; trong đó:	Tr.đồng	49.585,00	51.175,28	52.020,54	53.983,57	55.540,58
9.1.	Chi phí lương	Tr.đồng	12.853,86	13.353,86	13.853,86	14.453,86	14.953,86
9.2.	Các chi phí sản xuất khác	Tr.đồng	36.731,14	37.821,42	38.166,68	39.529,71	40.586,72
10.	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	415,00	430,00	440,00	450,00	460,00
11.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu		0,83	0,83	0,84	0,83	0,82
12.	Tổng số lao động	Người	134	135	135	135	135
13.	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ/tháng	8,15	8,38	8,41	8,48	8,8

2.5. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030

Bảng II-11: Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030

STT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giai đoạn				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Chi nhánh nước Tân Phong	47,76	13,86	16,10	2,60	2,60	12,60
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	22,70	8,70	12,50	0,50	0,50	0,50
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	11,85	2,35	3,50	2,00	2,00	2,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	11,91	1,91				10,00
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,90	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10
5	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành Công ty	0,40	0,40				
II	Chi Nhánh nước Than Uyên	14,60	1,90	3,30	4,70	2,60	2,10
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	4,30	0,00	1,20	1,10	1,00	1,00
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	7,60	1,10	2,00	2,00	1,50	1,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,20	0,70		1,50		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
III	Chi nhánh nước Phong Thổ	16,60	0,80	1,00	2,10	7,60	5,10
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	7,40		0,90	1,00	5,50	
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	5,70	0,70				5,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	3,00			1,00	2,00	
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
IV	Chi nhánh nước Sìn Hồ	5,65	2,25	0,35	2,35	0,35	0,35
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	3,15	1,95	0,30	0,30	0,30	0,30
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	0,05	0,05				

3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,20	0,20		2,00		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,25	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
V	Chi nhánh nước Bình Lư	10,00	1,30	1,55	3,55	2,05	1,55
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	2,50		0,50	0,50	1,00	0,50
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	5,25	1,25	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,00			2,00		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,25	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
VI	Mua sắm tài sản, trang thiết bị toàn Công ty, bảo trì hệ thống cấp nước	31,52	5,92	4,80	7,50	8,50	4,80
1	Thay thế đồng hồ đo nước lạnh của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng.	7,00	5,00	0,50	0,50	0,50	0,50
2	Hệ thống thiết bị, máy móc phục vụ công tác phòng, chống thất thoát; Kiểm soát chất lượng nước	7,02	0,42	0,30	3,00	3,00	0,30
3	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế tài sản, trang thiết bị máy móc toàn Công ty	4,50	0,50	1,00	1,00	1,00	1,00
4	Mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc toàn Công ty	13,00	0,00	3,00	3,00	4,00	3,00
Tổng cộng:		126,13	26,03	27,10	22,80	23,70	26,50

2.6. Các giải pháp chủ yếu

2.6.1. Giải pháp về quản lý

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng ban, chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống cấp nước, quản lý khách hàng và công tác ghi thu.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng quy trình quản lý thống nhất từ sản xuất, vận hành, kinh doanh đến chăm sóc khách hàng; thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động của từng bộ phận.
- Nâng cao hiệu quả quản lý mạng lưới cấp nước, đặc biệt trong công tác chống thất thoát, thất thu; từng bước hoàn thiện hệ thống đo đếm, phân vùng quản lý mạng lưới, kiểm soát lưu lượng nước cấp vào mạng và lượng nước tiêu thụ.
- Tăng cường quản lý khách hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng, kịp thời tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh của người dân; nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các đối tượng sử dụng nước, phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các trường hợp vi phạm như đấu nối trái phép, sử dụng nước không qua đồng hồ nhằm giảm tỷ lệ nước không thu được tiền.

- Xây dựng cơ chế tiền lương, khen thưởng và kỷ luật hợp lý, gắn với hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực cho người lao động.
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, quản lý khách hàng và điều hành doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và minh bạch thông tin.

2.6.2. Giải pháp về tổ chức và nhân sự

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực hiện có, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026-2030 phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Tăng cường đào tạo chuyên môn cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân vận hành về quản lý hệ thống cấp nước, giám sát thoát nước, quản lý khách hàng và ứng dụng công nghệ mới.
- Kết hợp đào tạo, tuyển dụng và bố trí lao động hợp lý, xây dựng cơ cấu lao động phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.
- Từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp, cải thiện môi trường làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng của cán bộ công nhân viên.

Tiền lương và chế độ đãi ngộ:

- Hoàn thiện quy chế trả lương, thưởng gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc, đảm bảo công bằng, minh bạch.
- Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực, tay nghề cao và những cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

2.6.3. Giải pháp về đầu tư và tài chính

- Công ty chủ động bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, đồng thời xây dựng kế hoạch huy động vốn vay tín dụng phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trong giai đoạn 2026-2030.
- Tăng cường quản lý và sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ, đúng mục tiêu, hạn chế thất thoát và lãng phí trong quá trình đầu tư xây dựng.
- Thực hiện quản lý tài chính chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo cân đối nguồn thu - chi, từng bước nâng cao năng lực tài chính của Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chi phí vật tư, điện năng, hóa chất và chi phí quản lý nhằm giảm giá thành sản xuất nước sạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng phương án giá nước phù hợp với quy định của Nhà nước, đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất và từng bước tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ và thu hồi tiền nước, hạn chế nợ đọng kéo dài, nâng cao hiệu quả dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh

2.6.4. Giải pháp kỹ thuật

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, hệ thống truyền dẫn và mạng lưới phân phối nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân và các hoạt động sản xuất, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và ổn định.
- Từng bước hiện đại hóa mạng lưới cấp nước, ưu tiên thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp hoặc có tỷ lệ thất thoát cao; lắp đặt bổ sung các thiết bị kiểm soát áp lực và lưu lượng nhằm nâng cao độ ổn định, an toàn và hiệu quả vận hành của hệ thống.
- Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát, thất thu nước sạch thông qua việc phân vùng quản lý mạng lưới cấp nước, lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng tại các khu vực cấp nước, kết hợp với các thiết bị phát hiện rò rỉ để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố trên hệ thống, góp phần giảm tỷ lệ nước không doanh thu.
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ đo nước, thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ và thay thế các đồng hồ đã hết niên hạn sử dụng hoặc có sai số lớn bằng các loại đồng hồ có độ chính xác cao nhằm đảm bảo đo đếm chính xác sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng, góp phần giảm thất thoát thương mại và tăng sản lượng nước thương phẩm của Công ty.
- Nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, xây dựng quy trình vận hành tối ưu đối với các nhà máy nước, trạm bơm và mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, tiết kiệm năng lượng và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước, thực hiện giám sát thường xuyên tại các công trình khai thác, nhà máy xử lý nước và trên mạng lưới phân phối, đảm bảo nước sạch cung cấp cho khách hàng luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý hệ thống cấp nước; từng bước triển khai các hệ thống giám sát và điều khiển từ xa (SCADA), xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý mạng lưới cấp nước trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý (GIS), góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành và phát triển hệ thống cấp nước.
- Tăng cường giám sát kỹ thuật trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình cấp nước; kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư, thiết bị và tiến độ thi công nhằm đảm bảo các công trình được xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và đưa vào khai thác hiệu quả.
- Chủ động nghiên cứu và áp dụng các công nghệ và giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, xử lý và phân phối nước sạch, góp phần giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

2.6.5. Duy trì và mở rộng thị trường

- Duy trì ổn định thị trường cấp nước hiện có, đồng thời từng bước mở rộng mạng lưới cấp nước tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung, khu tái định cư và các khu vực có nhu cầu sử dụng nước cao nhằm gia tăng phạm vi phục vụ của Công ty.
- Tăng cường công tác khảo sát, dự báo nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh Lai Châu.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương trong việc quy hoạch, phát triển hệ thống cấp nước, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, khuyến khích người dân và các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng nước thương phẩm, doanh thu của Công ty và từng bước nâng cao tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

2.6.6. Giải pháp tăng cường quan hệ và sự hỗ trợ từ chính quyền đô thị, cộng đồng

- Tăng cường phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật của địa phương.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của nước sạch đối với sức khỏe và đời sống, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ công trình và hệ thống cấp nước.
- Tăng cường sự phối hợp giữa Công ty, chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm như đấu nối trái phép, sử dụng nước không qua đồng hồ hoặc gây hư hỏng hệ thống cấp nước.
- Phối hợp với các địa phương trong việc tuyên truyền, vận động người dân đấu nối sử dụng nước sạch và mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống cấp nước, góp phần nâng cao tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Vai trò và trách nhiệm của ban lãnh đạo

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu có vai trò và trách nhiệm sau:

- **Hội đồng quản trị:**
 - + Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - + Quyết định các chủ trương lớn về đầu tư phát triển, quản lý tài chính và phát triển hệ thống cấp nước của Công ty theo thẩm quyền quy định;
 - + Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị và quy định quản lý nội bộ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- + Giám sát và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc và các đơn vị trực thuộc;
- + Xem xét, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh khi cần thiết nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

- **Ban Giám đốc:**

- + Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị quyết định;
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty để trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo quy định của Điều lệ Công ty.;
- + Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
- + Ban hành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh;
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Vai trò và trách nhiệm của từng bộ phận

Để hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 – 2030, các phòng ban và đơn vị trực thuộc có trách nhiệm như sau.:

Phòng Tổ chức Hành chính:

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự, lao động tiền lương và công tác hành chính của Công ty;
- + Chủ trì tham mưu xây dựng, rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị, quy định quản lý nội bộ của Công ty; phối hợp với các phòng ban liên quan trong quá trình xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, ban hành theo thẩm quyền;
- + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, người lao động.
- + Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
- + Quản lý công tác hành chính, văn thư, lưu trữ và tài sản phục vụ hoạt động của Công ty.

- **Phòng Kế hoạch Kỹ thuật**

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định của Công ty;

- + Chủ trì lập và tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. ực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty;
- + Tham mưu triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước; quản lý tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch được phê duyệt;
- + Tổ chức lập, thẩm định và quản lý dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn và các dự án đầu tư của Công ty theo quy định;
- + Tham mưu công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các công trình xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật;
- + Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, vận hành hệ thống cấp nước và thi công xây lắp;
- + Quản lý công tác kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; phối hợp với các đơn vị trong việc đảm bảo vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất nước;
- + Tổng hợp, phân tích các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tham mưu cho Ban Giám đốc các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển hệ thống cấp nước.

- **Phòng Kế toán Tài vụ:**

- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính và sử dụng nguồn vốn của Công ty.
- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn và đảm bảo cân đối tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác kế toán, quản lý tài sản, nguồn vốn và hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật.
- + Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty; phối hợp với các phòng ban liên quan trong việc xây dựng kế hoạch doanh thu, chi phí và các chỉ tiêu tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Giám sát tình hình sử dụng vốn, chi phí sản xuất kinh doanh; theo dõi và phân tích hiệu quả hoạt động tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- + Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, quyết toán và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.
- + Phối hợp với các phòng ban và đơn vị trực thuộc trong việc theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt.

- **Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng:**

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng và triển khai chiến lược phát triển thị trường và khách hàng sử dụng nước sạch của Công ty.

- + Quản lý công tác phát triển khách hàng, tổ chức ký kết và quản lý hợp đồng cung cấp nước sạch với khách hàng theo quy định.
- + Tổ chức thực hiện công tác ghi chỉ số đồng hồ nước, lập hóa đơn và theo dõi thu tiền nước của toàn Công ty.
- + Quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu khách hàng sử dụng nước sạch; theo dõi sản lượng nước tiêu thụ và tổng hợp các chỉ tiêu liên quan đến tiêu thụ nước.
- + Xây dựng kế hoạch tiêu thụ nước sạch, kế hoạch phát triển khách hàng và kế hoạch doanh thu tiền nước hàng năm.
- + Theo dõi việc thực hiện giá bán nước sạch theo quy định của UBND tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra và quản lý việc áp dụng giá nước đối với từng đối tượng khách hàng.
- + Tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, phản ánh của khách hàng; tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.
- + Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý các trường hợp sử dụng nước sai mục đích, gian lận trong sử dụng nước nhằm hạn chế thất thu tiền nước.

• Phòng Quản lý Chất lượng

- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý chất lượng nước sạch, công tác hóa nghiệm, phòng chống thất thoát nước và kiểm tra kỹ thuật hệ thống cấp nước.
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các nhà máy nước, trên hệ thống mạng lưới cấp nước và tại điểm sử dụng của khách hàng, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- + Quản lý và theo dõi hệ thống giám sát chất lượng nước; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trong việc sử dụng thiết bị kiểm nghiệm và hóa chất xử lý nước.
- + Tham mưu và triển khai các giải pháp phòng, chống thất thoát nước; tổng hợp, phân tích số liệu thất thoát và đề xuất các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty.
- + Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra vận hành hệ thống cấp nước, phát hiện và xử lý các điểm rò rỉ, cũng như các hành vi vi phạm trong sử dụng nước.

• Các Chi nhánh sản xuất nước:

- + Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống cấp nước trên địa bàn được giao, đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục, ổn định và đạt chất lượng theo quy định;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ nước, kế hoạch sử dụng điện năng, hóa chất, vật tư và kế hoạch phát triển khách hàng của đơn vị theo chỉ tiêu kế hoạch của Công ty;

- + Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống công trình cấp nước; kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố trên mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo an toàn và ổn định trong cung cấp nước.
- + Phối hợp với các phòng chuyên môn của Công ty trong công tác kiểm soát chất lượng nước, phòng chống thất thoát nước và quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước.
- + Tổ chức quản lý khách hàng trên địa bàn; thực hiện công tác ghi chỉ số đồng hồ nước, phối hợp thu tiền nước và phát triển khách hàng mới.
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản, vật tư, thiết bị và các nguồn lực được Công ty giao.
- + Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc bảo vệ công trình cấp nước, tuyên truyền sử dụng nước sạch và xử lý các hành vi vi phạm hệ thống cấp nước.
- + Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

• **Chi nhánh nước tinh khiết Lawa**

- + Tổ chức sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết Lawa, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả vật tư, tiền vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- + Đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và các quy định có liên quan trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030, các phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển của Công ty.

Nơi nhân:

- TV HĐQT;
- TV Ban kiểm soát;
- Ban giám đốc;
- Lưu HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F3

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đầu tư Thăng Long ký ban hành ngày 20/01/2026.

Báo cáo tài chính của Công ty được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: *capnuoclaichau.vn*.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F4

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025,
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng doanh thu và thu nhập năm 2025	Triệu đồng	48.447,19
2	Tổng chi phí năm 2025	Triệu đồng	47.933,12
3	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	Triệu đồng	514,07
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025	Triệu đồng	102,17
5	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	Triệu đồng	411,89
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các kỳ trước	Triệu đồng	287,48
7	Tổng Lợi nhuận phân phối năm 2025	Triệu đồng	699,38
7.1	Trích lập các quỹ:	Triệu đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển 30%	Triệu đồng	209,81
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%	Triệu đồng	69,93

7.2	Chi trả cổ tức (60% LNST/VĐL: 19,44 đồng/cổ phần)	Triệu đồng	419,62
7.3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Triệu đồng	0

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế dự kiến	Đồng	415.000.000
2	Trích lập các quỹ	Đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển 30%	Đồng	124.500.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%	Đồng	41.500.000
3	Chi trả cổ tức (60%)	Đồng	249.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS, BGD;
- Website công ty;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F5

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao thành viên hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tiền lương, thù lao thành viên hội đồng, Ban kiểm soát, Ban điều hành, người lao động năm 2025 và phương chi trả lương, thù lao năm 2026 như sau:

I. MỨC TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025

1. Về lao động

* Người quản lý

- Số người quản lý chuyên trách bình quân kế hoạch năm 2025: 02 người.

- Số người quản lý chuyên trách bình quân thực hiện năm 2025: 02 người.

* Người lao động

- Số lao động bình quân kế hoạch năm 2025 là: 116 người.

- Số lao động bình quân thực hiện năm 2025 là: 116 người.

2. Chỉ tiêu năng suất lao động

- Kế hoạch năm 2025: 110,948 triệu đồng/người/năm;

- Thực hiện năm 2025: 111,053 triệu đồng/người/năm.

3. Tiền lương thực hiện năm 2025: Là mức chi đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025; giá trị thực hiện theo kết quả hoạt động SXKD năm 2025. Giá trị thực hiện sẽ được quyết toán sau khi có ý kiến của đại diện chủ sở hữu (nếu có).

3.1. Tiền lương thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách, Thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025:

$$= 383.075.709 + 215.129.982 + 225.000.000 = 823.205.691 \text{ đồng.}$$

(Bằng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm chín mươi một đồng)

Trong đó:

$$\begin{aligned} & * \text{Chủ tịch HĐQT là NĐDPVNN} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương tăng thêm} \\ & = (27.000.000 \times 3) + (31.000.000 \times 9) + 6.713.709 + 16.362.000 = \mathbf{383.075.709 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & * \text{Trưởng ban Kiểm soát} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương tăng thêm} = \\ & (14.000.000 \times 3) + (18.000.000 \times 9) + 1.858.182 + 9.271.800 = \mathbf{215.129.982 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

*** Thù lao thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách**

$$+ \text{Thành viên hội đồng: } (2 \text{ người} \times 4.000.000 \times 3^{\text{th}} + 3 \text{ người} \times 5.000.000 \times 9^{\text{th}}) = 159.000.000 \text{ đồng}$$

$$+ \text{Kiểm soát viên: } (2 \text{ người} \times 2.000.000 \times 3^{\text{th}} + 2 \text{ người} \times 3.000.000 \times 9^{\text{th}}) = 66.000.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng cộng} = 159.000.000 + 66.000.000 = \mathbf{225.000.000 \text{ đồng/năm.}}$$

3.2. Tiền lương thực hiện của Ban điều hành và người lao động năm 2025: 11.647.053.298 đồng

(Bằng chữ: Mười một tỷ, sáu trăm bốn bảy triệu, không trăm năm ba nghìn, hai trăm chín tám đồng)

Trong đó:

$$* \text{Người lao động: } \mathbf{10.917.380.989 \text{ đồng.}}$$

$$* \text{Ban điều hành} = \mathbf{729.672.309 \text{ đồng}}$$

$$- \text{Giám đốc} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương tăng thêm} = 291.000.000 + 7.210.591 + 15.364.800 = 313.575.391 \text{ đồng.}$$

$$- \text{Phó Giám đốc} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương tăng thêm} = 160.000.000 + 4.935.136 = 164.935.136 \text{ đồng.}$$

$$- \text{Kế toán trưởng} = \text{Lương chính} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương tăng thêm} = 234.000.000 + 4.806.582 + 1.355.200 = 251.161.782 \text{ đồng.}$$

II. MỨC CHI VÀ PHƯƠNG ÁN CHI LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2026

1. Căn cứ xây dựng phương án

- *Chỉ tiêu về số lao động:* Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026: 118 người (trong đó, lao động 115 người, Ban điều hành 03 người).

- *Chỉ tiêu tổng doanh thu:*

+ Doanh thu thực hiện năm 2025: 48.447,197 triệu đồng;

+ Doanh thu kế hoạch năm 2026: 50.000 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu năng suất lao động*

+ Năng suất lao động thực hiện năm 2025: 111,053 triệu đồng/người;

+ Năng suất lao động kế hoạch năm 2026: 112,415 triệu đồng/người.

- *Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:*

+ Lợi nhuận thực hiện năm 2025: 514,071 triệu đồng.

+ Lợi nhuận kế hoạch năm 2026: 520 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận:*

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện năm 2025: 0,2366%

+ Tỷ suất lợi nhuận kế hoạch năm 2026: 0,23887%

- *Chỉ tiêu tổng chi phí chưa có lương*

* Tổng chi phí chưa có lương thực hiện năm 2025: 35.565,040 triệu đồng.

* Tổng chi phí chưa có lương kế hoạch năm 2026: 36.735,000 triệu đồng,

trong đó:

+ Chi phí NVL trực tiếp: 4.985 triệu đồng

+ Chi phí sản xuất chung: 23.460 triệu đồng

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 8.100 triệu đồng

+ Chi phí bán hàng: 190 triệu đồng

- *Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân của người lao động và ban điều hành*

+ Năng suất lao động thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành

$W_{th2025} = (\text{Tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương})/\text{số lao động}$

$W_{th2025} = (48.447,197 - 35.565,040)/116 = 111,053$ triệu đồng.

Năng suất lao động thực hiện năm 2025: 111,053 triệu đồng/người/năm.

+ Năng suất lao động kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành

$W_{kh2026} = (\text{Tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương})/\text{số lao động}$

$W_{kh2026} = (50.000 - 36.731,036)/117 = 112,449$ triệu đồng.

Năng suất lao động kế hoạch năm 2026: 112,449 triệu đồng/người/năm.

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

2.1. Mức tiền lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Thành viên hội đồng và Trưởng ban kiểm soát

* Xác định mức tiền lương cơ bản:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026; đối chiếu với các chỉ tiêu tại Mục II Phụ lục kèm theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ. Công ty áp dụng mức lương cơ bản theo Mức 3, Nhóm II Bảng mức lương cơ bản của Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Mức lương cơ bản của Chủ tịch công ty: 37.000.000đ/tháng.
- Mức lương cơ bản của Trưởng ban Kiểm soát viên: 18.000.000đ/tháng.

* Xác định mức tiền lương kế hoạch:

Căn Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ: “Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản”. Công ty xác định mức tiền lương kế hoạch gắn với mức tăng lợi nhuận.

* Mức tiền lương kế hoạch theo tháng:

- Chủ tịch công ty = 37.000.000đ x (520/514,071) = 37.426.737 đồng/tháng.

$$\Rightarrow Q_{\text{khct}2026} = 37.426.737 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 449.120.841 \text{ đồng.}$$

- Trưởng ban kiểm soát công ty = 18.000.000đ x (520/514,071) = 18.207.602 đồng/tháng.

$$\Rightarrow Q_{\text{khks}2026} = 18.207.602 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 218.491.220 \text{ đồng.}$$

*** Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát công ty năm 2026**

$$449.120.841đ + 218.491.220đ = 667.612.061 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Sáu trăm sáu bảy triệu, sáu trăm mười hai nghìn, không trăm sáu một đồng).

2.2. Mức thù lao của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách

* Số thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách: 05 người (trong đó, thành viên hội đồng 03 người, kiểm soát viên không chuyên trách 02 người).

* Thù lao thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách:

- Thành viên hội đồng: (1 người x 5.000.000đ x 1,5 tháng + 2 người x 5.000.000đ x 12 tháng) = 127.500.000 đồng.

- Kiểm soát viên: 2 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 72.000.000 đồng.

* Tổng tiền thù lao: 127.500.000đ + 72.000.000đ = 199.500.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín chín triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)

2.3. Tổng tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát và thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026

$$Q_{kh2025} = 667.612.061 + 199.500.000 = 867.112.061 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn, không trăm sáu mươi đồng)

3. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành

3.1. Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2025:

- Quỹ tiền lương của người lao động năm 2025: 10.917.380.989 đồng.

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành thực hiện năm 2025: 729.672.309 đồng, trong đó:

=> **Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành**

$$Q_{th2025} = 10.917.380.989 + 729.672.309 = 11.647.053.298 \text{ triệu đồng}$$

- Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành:

$$TL_{bqth2025} = 11.647.053.298 / 116 \text{ người} / 12 \text{ tháng} = 8.367.136 \text{ đồng/tháng.}$$

3.2. Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026

Công ty có năng suất lao động kế hoạch và lợi nhuận kế hoạch tăng so với thực hiện năm 2025. Do vậy, Công ty xác định $H_{tln} = 1,0$; mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026 theo công thức:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} + TL_{bqthnt} \times \left(\frac{W_{kh}}{W_{thnt}} - 1 \right) \times H_{tln}$$

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành trên tháng:

$$TL_{bqkh} = 8.367.136 + 8.367.136 \times \left(\frac{112,415}{111,053} - 1 \right) \times 1 = 8.469.754đ$$

=> Mức tiền lương bình quân kế hoạch 2026: 8.469.754 đồng/tháng.

3.3. Xác định mức tiền lương kế hoạch năm 2026

Công ty xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 theo công thức:

$$Q_{kh} = TL_{bqkh} \times L_{khhq} \times t$$

$$Q_{kh} = 8.469.754 \text{ đ} \times 118 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 11.993.171.696 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm chín ba triệu, một trăm bảy một nghìn, sáu trăm chín sáu đồng).

Trong đó:

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành (đã bao gồm các khoản phụ phí) = thực hiện 2025 + Mức tăng năng suất lao động năm 2026

$$= 729.672.309 \text{ đ} \times (112,415/111,053) = 738.621.312 \text{ đồng}$$

+ Lương Giám đốc (lương cơ bản): 25.000.000đ/tháng

+ Lương Phó giám đốc (lương cơ bản) = 20.000.000đ/tháng

+ Lương Kế toán trưởng (lương cơ bản) = 20.000.000đ/tháng

Các khoản tăng thêm theo năng suất, phụ cấp khác theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của đơn vị.

- Quỹ tiền lương của Người lao động năm 2026 = 11.993.171.696 - 738.621.312 = 11.254.550.384 đồng

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /BC-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F6

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu gồm 5 thành viên, đại diện cho chủ sở hữu quản lý Công ty, bao gồm:

- Ông Vì Văn Chung - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chí Công - TV HĐQT, Giám đốc Công ty
- Ông Phạm Công Hợp - TV HĐQT
- Ông Đỗ Văn Trung - TV HĐQT
- Ông Lê Tuấn Nam - TV HĐQT

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, giám sát và định hướng hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách các lĩnh vực để chỉ đạo, theo dõi và giám sát hoạt động của Ban điều hành. Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Giám đốc, trong năm 2025 Công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt một số chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		So sánh % hoàn thành	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch	TH 2025/ TH 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	46.100	48.447	105,1	105,5
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.650	4.712	101,3	101,5
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	45.700	48.036	105,1	105,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	400	411	102,8	102,8
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	8,1	8,1	100,0	107,3

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh. Các nội dung đầu tư chủ yếu gồm: xây dựng và mở rộng các tuyến ống cấp nước; lắp đặt bổ sung mạng lưới cấp nước tại một số khu dân cư và khu vực có nhu cầu sử dụng nước tăng cao; cải tạo, nâng cấp một số trạm xử lý nước và công trình thu nước; thay thế các đồng hồ nước của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng; mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

Các dự án và hạng mục công trình được tổ chức triển khai theo đúng trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước và được quản lý chặt chẽ trong quá trình thực hiện. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng 28 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trên 19,85 tỷ đồng.

Các hạng mục đầu tư sau khi hoàn thành và đưa vào khai thác đã góp phần mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực cấp nước, cải thiện chất lượng dịch vụ và từng bước mở rộng phạm vi phục vụ của Công ty. Đồng thời, việc thay thế đồng hồ nước của các khách hàng đã hết niên hạn sử dụng đã nâng cao chất lượng công tác đo đếm, góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, qua đó làm tăng sản lượng và doanh thu nước sạch của Công ty.

Nhìn chung, các công trình sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025

Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát và Ban điều hành công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, quy chế trả lương của công ty và các quy định hiện hành.

IV. CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

HDQT Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Thăng Long, đơn vị kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã lựa chọn và thông qua là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. Đây là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, chi phí kiểm toán hợp lý, đảm bảo tiến độ thời gian theo yêu cầu của Công ty.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ CỦA HDQT NĂM 2025

1. Hoạt động của HDQT trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và họp đột xuất khi cần thiết để thảo luận, xem xét và quyết định các vấn đề quan trọng

thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được thực hiện đúng thẩm quyền, linh hoạt và hiệu quả. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi giám sát của Ban Kiểm soát.

Công tác công bố thông tin và báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các thông tin hoạt động của Công ty được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định để xem xét, định hướng và thông qua báo cáo tài chính các quý trong năm; đồng thời ban hành 20 nghị quyết và quyết định, cụ thể như sau:

STT	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	12/02/2025	Nghị quyết V/v Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
2	19/3/2025	Nghị quyết V/v Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	25/3/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
4	31/3/2025	Nghị quyết Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
5	31/3/2025	Quyết định Thành lập Ban Quản lý dự án các công trình do Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu làm chủ đầu tư năm 2025	100%
6	31/3/2025	Quyết định V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2025	100%
7	01/4/2025	Nghị quyết V/v Bổ nhiệm Thư ký công ty	100%
8	10/4/2025	Nghị quyết V/v thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch đầu tư và phân bổ nguồn tài chính năm 2025	100%
9	09/5/2025	Nghị quyết V/v cho chủ trương mua máy xúc mini	100%
10	20/5/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%

11	18/7/2025	Nghị quyết V/v Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	100%
12	01/8/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
13	15/8/2025	Quyết định V/v Ban hành quy chế sử dụng xe ô tô	100%
14	15/8/2025	Quyết định V/v Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	100%
15	29/8/2025	Quyết định V/v phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030	100%
16	25/9/2025	Quyết định V/v Ban hành Nội quy lao động	100%
17	26/9/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
18	13/10/2025	Nghị quyết V/v Điều chỉnh kế hoạch đầu tư và phân bổ nguồn tài chính năm 2025	100%
19	19/12/2025	Nghị quyết V/v cho thuê Nhà máy thủy điện Nà Khảm	100%
20	31/12/2025	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2025	100%

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 21.586.514 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 21.566.514 cổ phần
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (Số cổ phần CBCNV công ty đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp cổ phần hóa): 263.000 cổ phần (Đã trừ 20.000 CP)
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
UBND tỉnh Lai Châu	21.121.914	97,85
Cổ đông phổ thông	444.600	2,06
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,09
Tổng cộng	21.586.514	100,0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

3. Công tác nhân sự, tổ chức:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty và cho ý kiến về công tác bổ nhiệm chức danh trưởng, phó một số phòng, ban, đơn vị trong Công ty.

Công tác cán bộ và tuyển dụng lao động: Luôn quan tâm, chú trọng, giao Ban Giám đốc Công ty định kỳ rà soát sắp xếp lao động tại các đơn vị để phát huy hiệu quả công việc. Chỉ đạo tuyển dụng bổ sung một số vị trí đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc đã triển khai đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao và các quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp; đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban Giám đốc đoàn kết, phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành; thực hiện tốt nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công phụ trách, góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty đúng định hướng, thực hiện tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; chỉ đạo Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Duy trì ổn định và từng bước phát triển hệ thống cấp nước; nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành các nhà máy và mạng lưới cấp nước; bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước theo kế hoạch đã được phê duyệt; từng bước nâng cao năng lực cấp nước, mở rộng phạm vi phục vụ và phát triển khách hàng.

- Tăng cường các giải pháp quản lý kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong vận hành hệ thống cấp nước; đẩy mạnh công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm thực hiện đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đồng thời chăm lo đời sống, thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động, góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định và phát triển bền vững.

Năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần giữ vững sự ổn định và phát triển của Công ty. Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông trong quá trình hoạt động của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng năm 2026, Hội đồng quản trị báo cáo các quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT;
- BGĐ, BKS;
- Lưu: HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /BC-BKS

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F7

BÁO CÁO
Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024.

Ban Kiểm soát báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Về nhân sự

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu gồm 03 người, cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Bà Lê Thị Thà | - Trưởng ban |
| 2. Bà Đỗ Thị Thanh Huyền | - Thành viên |
| 3. Ông Trần Việt Đức | - Thành viên |

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời xây dựng bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Kiểm soát.

Xây dựng chương trình hoạt động và thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc; Thẩm định kỳ báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm; Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác của Công ty.

Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các buổi họp do HĐQT tổ chức, tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty thông qua báo cáo 6 tháng và báo cáo năm.

- Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật của Nhà nước đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị trong toàn Công ty.

- Thẩm tra báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.

3. Đánh giá năng lực, hiệu quả của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025 trên tinh thần trách nhiệm được quy định tại các văn bản luật, trong quá trình hoạt động đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Kiểm tra một cách độc lập, khách quan, kịp thời và báo cáo các ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động và cảnh báo các nguy cơ rủi ro của Công ty.

Nhìn chung, trong năm qua Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2025 /KH năm 2025 (%)	Thực hiện năm 2025/Thực hiện năm 2024 (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	46,100	48,5	105,21	105,44
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	400	411,89	102,97	103,03
3	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	Triệu đồng	8,1	8,1	100	107

Đánh giá chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2025, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao; các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch của Đại hội cổ đông đề ra. Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất tăng 5,44% so với năm 2024, đạt 105,21% so với kế hoạch được đại hội đồng cổ đông giao, nhưng chỉ đạt 97,63% so với mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính phủ.

Về chỉ định công ty kiểm toán báo cáo tài chính: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị đã lựa chọn các đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho Công ty.

2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cân trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên HĐQT có sự thống nhất cao. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc. Trong năm 2025 Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Trong năm 2025, HĐQT và Ban Giám đốc đã có những định hướng đúng đắn cho hoạt động SXKD, tập trung vào hoạt động mở rộng thị trường và phát triển khách hàng; đảm bảo về chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng; Đào tạo kỹ năng, kỹ thuật cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất vận hành, trực tuyến thu ngân, xử lý sự cố; Nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý cho bộ phận lãnh đạo quản lý trong công ty.

3. Thẩm định báo cáo tài chính

Việc thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm đã được Ban Kiểm soát thực hiện theo kế hoạch và triển khai phù hợp với chu kỳ hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; Mở sổ kế toán chi tiết, tổng hợp đúng quy định. Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện. Các báo cáo của Ban Kiểm soát đều được triển khai thực hiện sau khi thống nhất và được gửi cho HĐQT Công ty xem xét.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung yêu cầu và tham dự, góp ý tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

- Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT; Ban Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Những vấn đề phát sinh, những vấn đề có nguy cơ rủi ro Ban Kiểm soát đều báo cáo và kiến nghị gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình. Ban Kiểm soát đánh giá Ban Giám đốc trong các năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; đúng quy chế và phù hợp với các Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông, không có vi phạm nào ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Về phân phối lợi nhuận

Công ty đã trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Về thù lao

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã nhận được đủ lương và thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

3. Về đơn vị kiểm toán

HĐQT đã phối hợp với Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính đủ điều kiện, năng lực thực hiện.

4. Sửa đổi Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty và sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

V. KẾT LUẬN

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2025 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban Kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Giám sát, kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng và năm cùng với việc kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán và công tác khác theo chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

2. Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.

3. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

4. Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai công tác đầu tư, phát triển khách hàng; quy chế chi trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

5. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các thành viên BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Lê Thị Thà

Số: /TTr-BKS

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F8

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến thời điểm hiện tại. Sau khi xem xét năng lực và chi phí kiểm toán của một số Công ty kiểm toán. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đầu tư Thăng Long

- Địa chỉ: Phòng 503, tòa HH2 Bắc Hà, số 15 Tố Hữu, P Thanh Xuân, Hà Nội

2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

- Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, P Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

- Địa chỉ: Hapulico Complex, Tầng 15, Tòa nhà Center Building, Nguyễn Huy Trường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

F9

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Lai Châu, năm 2026

MỤC LỤC

Chương I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương II.....	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
Chương III.....	3
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
Chương IV.....	5
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
Chương V.....	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
Chương VI.....	8
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Chương VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Chương VIII	31
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 33. Người điều hành Công ty	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	32
Chương IX.....	33
BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	33
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát	34

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
Chương X	36
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng.....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
Chương XI.....	37
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
Chương XII.....	38
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	38
Chương XIII	38
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	38
Chương XIV	39
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 48. Năm tài chính	40
Điều 49. Chế độ kế toán	40
Chương XV	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO	40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 51. Kiểm toán	40
Chương XVII.....	41

CON DẤU	41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp:	41
Chương XVIII	41
GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 54. Thanh lý.....	41
Chương XIX.....	42
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
Chương XX	43
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 56. Điều lệ công ty.....	43
Chương XXI.....	43
NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	43

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn vào doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày tháng 4 năm 2026.

Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

c. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

d. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

e. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

g. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

h. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

k. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

l. *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

m. *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

n. *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **LAI CHAU CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

- Điện thoại: 02133 876 297

- E-mail: nuocsachlaichau@gmail.com

- Website: Capnuoclaichau.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Phần đầu là doanh nghiệp đứng đầu ngành nước của tỉnh Lai Châu. Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định và từng bước phát triển trong hoạt động của Công ty.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước. Đảm bảo chất lượng nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Giảm lượng nước thất thoát, thất thu về mức trung bình chung của cả nước.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, từng bước tích lũy tài chính để mở rộng sản xuất và phát triển bền vững Công ty.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản trị điều hành hướng đến 1 doanh nghiệp bền vững và thân thiện.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã Ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Xây dựng nhà các loại	410
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	421
4	Xây dựng công trình công ích	422
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	429
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa; Lắp đặt lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán: Sắt thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị, vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, điện dân dụng và vật liệu xây dựng khác	4752
17	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	351
18	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11051
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	711
20	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này theo quy định pháp luật. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề

đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống ĐKKD quốc gia *dangkykinhdoanh.gov.vn*.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **215.865.140.000VNĐ**

(Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 21.586.514 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm mười bốn cổ phần)

- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000VNĐ *(Bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn)*

Trong đó:

+ Cổ phần nhà nước nắm giữ: 21.121.914 cổ phần

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phần)

Trị giá theo mệnh giá: 211.219.140.000 VNĐ

(Bằng chữ: Hai trăm mười một tỷ, hai trăm mười chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Tương đương: 97,85% vốn điều lệ.

+ Cổ phần cổ đông khác và cổ phiếu quỹ (nếu có): 464.600 cổ phần

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư nghìn, sáu trăm cổ phần)

Trị giá theo mệnh giá: 4.646.000.000VNĐ

(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng chẵn)

Tương đương: 2,15% vốn điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm

soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin địa chỉ cho Công ty khi đăng ký mua cổ phần và/hoặc khi thay đổi thông tin địa chỉ.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một

(01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

j. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

p. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t. Phê duyệt Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc

giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp

d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp

4. Các nghị quyết được thông qua khi số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này, Điều 17, và khoản 9 Điều 22 Điều lệ này.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Các quy định khác theo Thông báo của Công ty tại thời điểm gửi phiếu lấy ý kiến của cổ đông.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tất cả tài liệu có đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có);

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới

50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư vượt quá 15% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của Công ty;
- d. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này;
- e. Ủy quyền cho Giám đốc nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền;
- f. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- g. Phê duyệt các dự án đầu tư trên cơ sở phương án đầu tư, dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua với điều kiện các khoản đầu tư không vượt quá 15% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- h. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. Chủ tịch HĐQT khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối giới Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và trong hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc;

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ những việc thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm làm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

8. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,

những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm

soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Phương án phân phối lợi nhuận:

+ Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

+ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

+ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp

+ Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

+ Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty nộp Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có) và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật (nếu có).

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định

của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII CON DẤU

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp:

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Công ty sử dụng số lượng con dấu: 02 con dấu.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả

các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2026 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vì Văn Chung

THÔNG BÁO

Mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, như sau:

1. Thời gian: 8h00' ngày 17/4/2026

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo danh sách tổng hợp tính đến ngày 13/3/2026.

- Cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người tham dự. Việc ủy quyền được làm bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm). Người nhận không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Nội dung chính của Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026
- Thông qua tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
- Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:

Để Đại hội được tổ chức chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền trước 15h00 ngày 15/4/2026 tới địa chỉ: Công ty Cổ

phần Nước sạch Lai Châu. Số 9, Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. Điện thoại 0213.3876.297 hoặc Đ/c Nam: 0902.148.569.

6. Tài liệu Đại hội:

Toàn bộ tài liệu Đại hội được đăng trên website của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại <https://capnuoclaichau.vn>

Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.

Trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.



Ghi chú: Khi đến tham dự Đại hội, quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: CCCD/CMND (hoặc hộ chiếu) và Giấy ủy quyền họp lệ tham dự ĐH (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**XÁC NHẬN THAM DỰ
HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

Kính gửi: **Ban Tổ chức Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026**

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....Fax.....Email:.....

Tính đến ngày 13/3/2026, tổng số cổ phần sở hữu:.....

(*Bằng chữ:.....*)

Xác nhận tham dự phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, tổ chức vào 8h00 phút, ngày 17/4/2026 tại Hội trường Công ty CP Nước sạch Lai Châu.

: **Trực tiếp tham dự** : **Ủy quyền tham dự** : **Không tham dự**

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

.....

Ghi chú: Đề nghị quý Cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu *Giấu ủy quyền* kèm theo), gửi Fax và bản chính về Công ty trước 15h ngày 15/4/2026.

Người liên hệ:

Ông Lê Tuấn Nam

- Điện thoại: 0902.148.569



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (tính đến ngày 13/3/2026) của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

(*Bằng chữ:*.....)

2. Bên nhận ủy quyền:

Ông (bà):.....

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

3. Nội dung ủy quyền:

- Được quyền thay mặt người ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức vào 8h00 ngày 17/4/2026.

- Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và tham gia biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

5. Trách nhiệm của các bên

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú: Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 15h00' ngày 15/4/2026

Người được ủy quyền khi đi tham dự Đại hội mang theo CCCD/Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền bản gốc, tài liệu dự họp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, nắm giữcổ phần (bằng chữ.....), chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):
CMTND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần nhận ủy quyền:

Nội dung ủy quyền

- Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức vào 8h00 ngày 17/4/2026;
- Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và tham gia biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền..
- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Người được ủy quyền¹
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm 2026
Đại diện nhóm cổ đông ủy quyền
(Ký tên trong Danh sách kèm theo)

Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 15h00' ngày 15/4/2026
Người được ủy quyền khi đi tham dự Đại hội cần mang theo CCCD/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phong - Tỉnh Lai Châu

Website: <https://capnuoclaichau.com.vn>

Tel: (0213) 3876 297

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Lai Châu, năm 2026



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Thời gian: 8h00' ngày 17/4/2026 (Thứ 6)

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Thời gian	Nội dung làm việc
8h00 đến 8h30	- Đón khách - Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu.
8h30 đến 9h00	- Chào cờ, Tuyên bố lý do, Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội. - Thông qua “Chương trình Đại hội”. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. - Bầu Đoàn Chủ tịch Điều hành ĐH. - Chủ tọa giới thiệu danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua.
9h00 đến 9h15	- Phát biểu khai mạc Đại hội - Thông qua “Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên”.
9h15 - 10h30	Đoàn Chủ tịch điều hành ĐH:
	1. Thông qua Báo cáo Kết quả SXKD năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026
	2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030
	3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
	4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026
	5. Thông qua tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026
	6. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026
	7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025
	8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026
	9. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
	10. ĐH thảo luận và tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại ĐH
11. Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
10h30 đến 10h45	12. Báo cáo kết quả kiểm phiếu
10h45 - 11h00	Ban thư ký thông qua Biên bản Đại hội, nghị quyết Đại hội.
	Bế mạc Đại hội.

Số: /KH-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Tình hình chung

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch và xây dựng các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh. Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân nên Công ty có thị trường tiêu thụ ổn định và phát triển.

Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành 10 nhà máy, trạm xử lý nước với tổng công suất thiết là 33.500 m³/ng.đêm, cung cấp nước sạch cho 06 xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, gồm: Phường Tân Phong, phường Đoàn Kết, xã Than Uyên, xã Bình Lư, xã Phong Thổ và xã Sìn Hồ.

a. Thuận lợi

- Công tác cung cấp nước sạch luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của chính quyền địa phương và sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp số trong quản lý điều hành đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu suất làm việc.

- Hệ thống dây chuyền xử lý nước và mạng lưới đường ống từng bước được đầu tư, cải tạo theo hướng hiện đại, góp phần đảm bảo chất lượng nước, duy trì cấp nước ổn định và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tập thể người lao động có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động phối hợp với Ban lãnh đạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

b. Khó khăn

- Các lĩnh vực du lịch, thương mại, dịch vụ và sản xuất vật chất trên địa bàn tỉnh phát triển chưa mạnh; đồng thời việc tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp làm thay đổi cơ cấu nhu cầu sử dụng nước tại một số cơ quan, đơn vị dẫn đến số lượng khách hàng và sản lượng tiêu thụ tăng chậm.

- Giá vật tư, thiết bị, máy móc và chi phí nhân công phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch thường xuyên biến động tăng, trong khi giá bán lẻ nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Một số hạng mục hạ tầng cấp nước đã xuống cấp sau thời gian dài khai thác, trong khi nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, gây khó khăn cho công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới cấp nước.

- Chất lượng, lưu lượng nguồn nước thô tại một số sông, suối có xu hướng suy giảm do tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động khai thác tài nguyên và sản xuất, làm tăng chi phí xử lý và ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống cấp nước.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Dưới sự lãnh chỉ đạo của HĐQT, công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc, năm 2025 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch	TH 2025/TH 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	46.100	48.447	105,1	105,5
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	45.650	47.775,2	104,7	105,2
-	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	450	648,2	144,0	126,2
-	Thu nhập khác	Tr. đồng	-	23,68	-	137,5
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.650	4.712	101,3	101,5
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	45.700	48.036	105,1	105,5
-	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	37.050	39.818	107,5	107,6
-	Chi phí tài chính	Tr. đồng	5,0	4,0	80,0	69,4
-	Chi phí bán hàng	Tr. đồng	120	173,6	144,7	141,4
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	8.275	7.850	94,9	95,0
-	Chi phí khác	Tr. đồng	30	86,9	289,7	315,8
-	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tr. đồng	110,0	102,1	92,8	95,6
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	400	411	102,8	102,8
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,1	8,1	100,0	107,3

6	Tổng số thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	3.910	4.044	103,4	103,5
	<i>Phi BVMT ĐVN TSH</i>	Tr.đồng		3.085		
	<i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i>	Tr.đồng		2.535		
	<i>Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	Tr.đồng		-2.252		
	<i>Các loại thuế khác</i>	Tr.đồng		676		
7	Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	215.865,14	217.319,70	100,7	100,1
8	Tổng tài sản	Tr.đồng	236.204,83	237.080,49	100,4	100,4
9	Hiệu quả sử dụng vốn:					
-	Tỉ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,17	0,17	102,0	102,0
-	Tỉ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0,18	0,19	105,1	105,1
-	Khả năng sinh lợi:Lợi nhuận/DT thuần	%	0,88	0,85	96,4	96,4

3. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ

- Thực hiện nhiệm vụ cấp nước

+ Thực hiện công tác khảo sát, mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng sử dụng nước đảm bảo kế hoạch; Công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước được quản lý chặt chẽ, chất lượng dịch vụ cấp nước ngày càng được nâng cao.

+ Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 đạt 4,712 triệu m³. Doanh thu tiền nước đạt 41.541,5 triệu đồng tăng 1,8% so với năm 2024. Phát triển mới 761 khách hàng trên địa bàn toàn tỉnh. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 78,7% (gồm phường Đoàn Kết và phường Tân Phong), tỷ lệ dân số khu vực nông thôn do công ty quản lý đạt 54,4% (gồm xã Than Uyên, xã Bình Lư, xã Phong Thổ và xã Sìn Hồ).

+ Công tác chống thất thu, thất thoát tiếp tục được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo, tỷ lệ thất thoát giảm xuống còn 20,1% (giảm 0,2% so với năm 2024). Các sự cố cấp nước được phát hiện, khắc phục kịp thời đảm bảo cấp nước ổn định phục vụ nhu cầu của khách hàng.

- Về tình hình đầu tư xây dựng: Các dự án, công trình được quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng quy trình, quy định của nhà nước. Trong năm 2025 đã triển khai đầu tư, xây dựng 28 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trên 19,85 tỷ đồng.

- Sản xuất nước tinh khiết Lawa: Trong năm 2025, Chi nhánh đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường, sản phẩm đảm bảo chất lượng theo quy định. Tổng sản lượng nước tinh khiết Lawa đạt: 60.500 bình, 5.700 kiện 300ml, 1.500 kiện 500ml. Doanh thu đạt trên 985 triệu đồng, tăng 4,24% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện tài trợ, ủng hộ cho các hoạt động, chương

trình an sinh xã hội và phát triển cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 là: 200 bình, 250 kiện 0,3ml, với tổng giá trị gần 15 triệu đồng.

- *Quản lý, vận hành công trình thủy điện:* Công ty thực hiện quản lý khai thác Nhà máy thủy điện Nà Khảm doanh thu năm 2025 đạt 585,6 triệu đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính, vật tư bán lẻ, phát triển mạng cấp III và thu nhập khác đạt 5.334,19 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Mục tiêu

Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026. Duy trì ổn định sản xuất và cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và các cổ đông, ổn định đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	50.000
-	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	Tr. đồng	49.380
-	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	Tr. đồng	600
-	<i>Thu nhập khác</i>	Tr. đồng	20
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.780
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	49.585
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	Tr. đồng	41.102
	<i>Chi phí tài chính</i>	Tr. đồng	5
	<i>Chi phí bán hàng</i>	Tr. đồng	185
	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	Tr. đồng	8.083
	<i>Chi phí khác</i>	Tr. đồng	100
	<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	Tr. đồng	110
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	415
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,15
6	Tổng số thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr. đồng	500
-	<i>Phí BVMT ĐVN TSH</i>	Tr. đồng	0
-	<i>Thuế GTGT đầu ra phải nộp</i>	Tr. đồng	2.640
-	<i>Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	Tr. đồng	-2.640
-	<i>Các loại thuế khác</i>	Tr. đồng	500

7	Vốn góp của chủ sở hữu	Tr.đồng	217.800
8	Tổng tài sản	Tr.đồng	237.080,5
9	Hiệu quả sử dụng vốn:		
-	Tỉ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,2
-	Tỉ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0,19
-	Khả năng sinh lợi: Lợi nhuận/DT thuần	%	0,84

Công ty dừng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt từ tháng 01/2026 theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định 346/2025/NĐ-CP, nên số nộp ngân sách nhà nước năm 2026 dự kiến giảm so với năm 2025.

4. Định hướng đầu tư năm 2026

Căn cứ kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị xem xét, lựa chọn các danh mục đầu tư đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của công ty và đảm bảo theo các quy định của pháp luật. Kế hoạch đầu tư tập trung vào các nội dung sau:

+ Đầu tư cải tạo, nâng cấp một số công trình cấp nước, bao gồm trạm xử lý, bể lọc, công trình thu nước nhằm đảm bảo công suất khai thác, chất lượng nước và vận hành ổn định; đầu tư tuyến ống nước thô từ hồ chứa nước Giang Ma về Trạm cấp nước Tả Lèng.

+ Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước tại một số khu dân cư và khu vực chưa có mạng lưới cấp nước nhằm mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng mới và khai thác hiệu quả công suất các nhà máy nước.

+ Lắp đặt bổ sung một số tuyến ống cấp nước tại các khu vực đã có mạng lưới, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối nước, nâng cao khả năng cấp nước và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân.

+ Cải tạo, sửa chữa, thay thế một số tuyến ống cấp nước đã xuống cấp, hư hỏng, kết hợp bảo dưỡng, thau rửa đường ống nhằm đảm bảo chất lượng nước và giảm thất thoát nước sạch.

+ Thay thế đồng hồ đo nước của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng, góp phần nâng cao độ chính xác trong đo đếm và quản lý doanh thu.

+ Đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Công ty và các chi nhánh, đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

5. Giải pháp thực hiện:

- Về thực hiện cấp nước:

+ Tổ chức tốt công tác sản xuất và cung cấp nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và đạt chất lượng theo QCVN 01:2023/LCh Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Tăng cường công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các công trình, thiết bị nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể về chống thất thoát, thất thu nước sạch, đề ra các giải pháp và lộ trình cụ thể nhằm từng bước giảm tỷ lệ thất thoát nước theo mục tiêu kế hoạch.

+ Chú trọng công tác quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng, mở rộng thị trường, mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng và sản lượng tiêu thụ nước sạch.

- Về quản lý đầu tư xây dựng:

+ Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước và khả năng cân đối nguồn vốn của Công ty.

+ Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng; kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án, công trình đầu tư.

+ Từng bước hiện đại hóa hệ thống cấp nước, đầu tư lắp đặt các thiết bị giám sát áp lực, lưu lượng và chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước và các trạm xử lý nhằm nâng cao mức độ an toàn và ổn định của hệ thống cấp nước.

- Về tài chính:

+ Chủ động cân đối và chuẩn bị đầy đủ nguồn tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.

+ Tăng cường thực hành tiết kiệm, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Thường xuyên cập nhật, nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật trong lĩnh vực tài chính, kế toán để tham mưu kịp thời cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, điều hành.

- Về tổ chức và quản trị:

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, định mức quản lý phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

+ Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, người lao động; đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

+ Thực hiện sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trong các lĩnh vực kỹ thuật, kế hoạch, quản trị và quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

- Về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:

+ Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý hệ thống cấp nước, quản lý dữ liệu khách hàng, quản lý đồng hồ nước và sản lượng tiêu thụ.

+ Kết nối, khai thác dữ liệu từ các thiết bị đo đếm, giám sát lưu lượng và chất lượng nước với hệ thống quản lý dữ liệu tập trung nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, phân tích dữ liệu và điều hành vận hành hệ thống cấp nước.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ công ty;
- HĐQT Công ty;
- BGĐ, BKS Công ty;
- Lưu HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
ĐT: (0231) 3 876 297 – Fax: (0231) 3 876 296

F2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

GIẢI ĐOẠN 2026-2030

MỤC LỤC

I. HIỆN TRẠNG CÔNG TY.....	1
1.1. Giới thiệu chung.....	1
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
1.3. Tình hình công ty	2
1.3.1. Đặc điểm về thể chế và nguồn nhân lực	2
1.3.2. Thực trạng về tài sản	4
1.3.3. Thực trạng sản xuất kinh doanh	6
1.3.4. Phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL).....	9
1.3.5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)	12
II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026- 2030.....	14
2.1. Cơ sở hoạch định.....	14
2.2. Mục tiêu phát triển	14
2.3. Chiến lược phát triển.....	14
2.4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu giai đoạn đến năm 2030	15
2.5. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030.....	17
2.6. Các giải pháp chủ yếu	17
2.6.1. Giải pháp về quản lý	18
2.6.2. Giải pháp về tổ chức và nhân sự	19
2.6.3. Giải pháp về đầu tư và tài chính.....	19
2.6.4. Giải pháp kỹ thuật	20
2.6.5. Duy trì và mở rộng thị trường	21
2.6.6. Giải pháp tăng cường quan hệ và sự hỗ trợ từ chính quyền đô thị, cộng đồng ..	21
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	21
3.1. Vai trò và trách nhiệm của ban lãnh đạo.....	21
3.2. Vai trò và trách nhiệm của từng bộ phận	22

I. HIỆN TRẠNG CÔNG TY

1.1. Giới thiệu chung

- (1). **Tên công ty:** Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu
Tên tiếng Anh: Lai Chau Clean Water Joint Stock Company
- (2). **Trụ sở chính:** Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
Điện thoại: 02313 876 297
- (3). **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** 6200000230
- (4). **Mã số thuế:** 6200000230
- (5). **Vốn điều lệ:** 215.865.140.000 đồng
- (6). **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:**
 - Quản lý vận hành các công trình cấp nước.
 - Sản xuất và cung cấp nước sạch.
 - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
 - Xây dựng và lắp đặt các hệ thống cấp, thoát nước.
 - Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước, điện dân dụng.
 - Xây dựng các công trình: Dân dụng; giao thông; thủy lợi vừa và nhỏ; công trình điện từ 0,4 đến 35 KV.
 - Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.
 - Tư vấn, khảo sát thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - Thoát nước và xử lý nước thải
- (7). **Phạm vi hoạt động:**

Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu là đơn vị khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Nước sạch Lai Châu có quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tiền thân là Công ty Cấp thoát nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 31/3/2004 của UBND tỉnh Lai Châu.
 - Ngày 30/12/2005, UBND tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước Lai Châu thành Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu.
 - Ngày 31/03/2015 UBND tỉnh Lai Châu có Quyết định số 261/QĐ-UBND phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu thành Công ty cổ phần.
 - Ngày 14/12/2015 Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất và ngày 06/01/2016 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
-

- Trong giai đoạn đầu khi mới được thành lập, số nhân viên của Công ty chỉ mới có 9 người và công suất cấp nước của Công ty chỉ có 2.000 m³/ngày đêm. Hiện nay, tổng công suất thiết kế hệ thống cấp nước của Công ty là 33.500 m³/ngày đêm.

1.3. Tình hình công ty

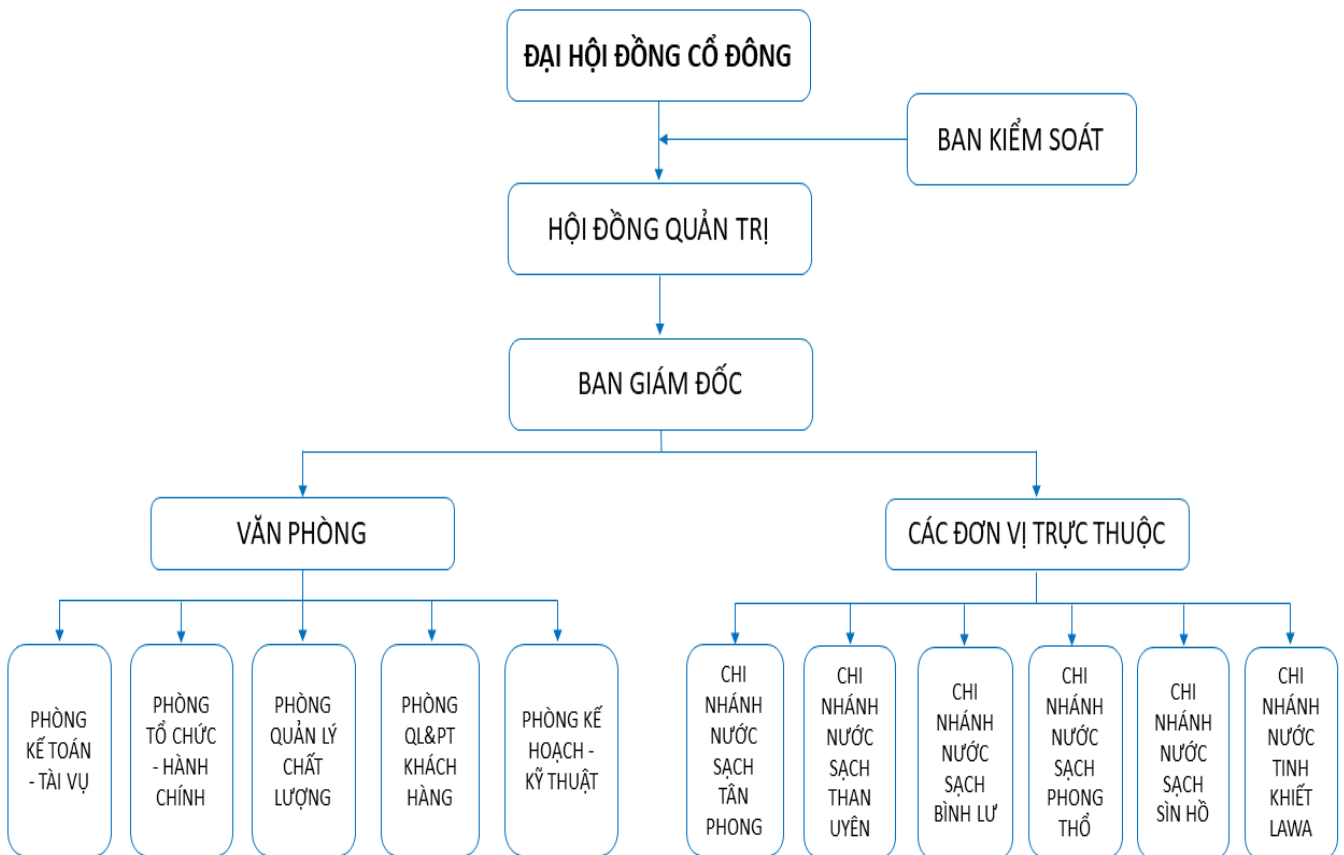
1.3.1. Đặc điểm về thể chế và nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có các cổ đông như sau:

- Cổ đông là Nhà nước; chiếm giữ 97,85% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác: Chiếm giữ 2,15% vốn điều lệ

Công ty có các đơn vị sau:

- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Quản lý và phát triển khách hàng.
- Các chi nhánh: Chi nhánh nước sạch Tân Phong; Chi nhánh nước sạch Sìn Hồ; Chi nhánh nước sạch Phong Thổ; Chi nhánh nước sạch Bình Lư; Chi nhánh nước sạch Than Uyên; Chi nhánh sản xuất nước tinh khiết Lawa



Hình I-1: Sơ đồ tổ chức của Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu

Bảng I-1: Đặc điểm nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu

STT	Các bộ phận trong công ty	Phân theo trình độ đào tạo				Phân theo kinh nghiệm		
		Tổng số	Đại học & trên đại học	Cao đẳng & trung cấp	Công nhân	< 5 năm	5-10 năm	> 10 năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	01	0	0	0	0	01
2	Ban Giám đốc	02	02	0	0	0	0	02
3	Phòng Tổ chức - Hành chính	09	06	0	03	0	01	08
4	Phòng Kế toán - Tài vụ	09	08	01	0	0	0	09
5	Phòng Quản lý chất lượng	05	02	01	02	0	0	05
6	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	04	04	0	0	01	02	01
7	Phòng Quản lý & Phát triển khách hàng	05	05	0	0	0	0	05
8	Chi nhánh nước Tân Phong	41	08	10	23	1	2	38
10	Chi nhánh sản xuất nước tinh khiết Lawa	06	01	02	03	0	0	06
11	Chi nhánh nước sạch Sin Hồ	07	04	02	01	02	01	04
12	Chi nhánh nước Phong Thổ	13	03	03	07	02	01	10
13	Chi nhánh nước Bình Lư	09	01	04	04	03	0	06
14	Chi nhánh nước Than Uyên	22	02	0	20	04	01	17
Tổng cộng		133	47	23	63	13	8	112
		100%	36%	17%	47%	10%	6,0%	84%

Bảng I-2: Tình hình phát triển nguồn nhân lực từ 2023 đến 2025

Số TT	Đặc điểm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Tổng số cán bộ, nhân viên (người)	140	138	133
1.1.	Đại học và trên đại học (người)	45	47	47
1.2.	Trung cấp và cao đẳng (người)	37	35	36
1.3.	Công nhân (người)	58	56	50
2.	Chi phí đào tạo (triệu đồng)	160	120	90

Hiện tại, Công ty có tổng số 133 cán bộ công nhân viên; trong đó trình độ đại học và trên đại học 47 người (33%), cao đẳng và trung cấp 23 người (17%). Số lao động có trên 10 năm kinh nghiệm chiếm 84%, trong khi số lao động có dưới 5 năm kinh nghiệm là 13 người (10%). Nhìn chung cơ cấu lao động của Công ty tương đối hợp lý, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

Đây là nguồn lực quan trọng giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định và đảm bảo vận hành an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

Với tổng công suất thiết kế hệ thống cấp nước khoảng 33.500 m³/ngày đêm, tỷ lệ lao động trên công suất đạt khoảng 3,97 lao động/1.000 m³/ngày. Mức này cao hơn so với một số doanh nghiệp cấp nước tại các đô thị lớn, nguyên nhân chủ yếu do đặc thù địa bàn miền núi, hệ thống cấp nước phân tán tại nhiều khu vực, quy mô các nhà máy nhỏ và cần bố trí lực lượng vận hành tại nhiều điểm cấp nước khác nhau.

1.3.2. Thực trạng về tài sản

Bảng I-3: Tài sản về đất đai được Nhà nước cho Công ty thuê

Số TT	Đơn vị	Diện tích đất (m ²)
1	Nhà điều hành Công ty	4914,0
2	Nhà máy nước Tả Lèng	39187,9
3	Trạm xử lý và cấp nước Nậm Loỏng	7958,0
4	Trạm xử lý và cấp nước Nùng Nàng	5144,4
5	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Tân Phong	1277,4
6	Tuyến ống truyền tải nước sạch Tân Phong	33587,6
7	Nhà trực vận hành, trạm bơm, bể chứa nước sạch và Nhà máy sản xuất nước tinh khiết Lawa	1625,2
8	Trạm bơm và khu xử lý nước ngầm khu dân cư số 4	424,0
9	Trạm bơm và khu xử lý nước khu dân cư số 2	378,7
10	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Phong Thổ	379,9
11	Trạm xử lý và cấp nước Pa So, Phong Thổ	1461,9
12	Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó, Phong Thổ	1181,9
13	Nhà máy nước cửa khẩu Ma Lù Thàng, Phong Thổ	2157,5
14	Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư	2202,4
15	Trạm xử lý và cấp nước Sìn Hồ	500,1
16	Bể chứa nước sạch cấp đi Phăng Sô Lin, Sìn Hồ	385,7
17	Nhà điều hành chi nhánh nước sạch Than Uyên	1112,8
18	Nhà máy thủy điện Nà Khăm, Than Uyên	2099,5
19	Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà, Than Uyên	1425,9
20	Trạm xử lý nước sạch Mường Than, Than Uyên	1026,2

Về mặt đất đai, diện tích đất được nhà nước cho Công ty thuê 50 năm và đều được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của

Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Bảng I-4: Thực trạng về tài sản cố định của Công ty tại thời điểm tháng 12/2025

Số TT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1.	Nhà cửa, kho tàng, vật kiến trúc	76.777.168.200	49.031.729.363
2.	Máy móc thiết bị	59.874.845.314	29.250.531.595
3.	Phương tiện vận tải	1.124.230.908	321.282.232
4.	Thiết bị đường ống và TSCĐ khác	224.031.852.949	127.244.825.159
5.	Tài sản cố định vô hình	479.800.000	0
Tổng cộng		362.287.897.371	205.848.368.349

Bảng I-5: Thực trạng tài chính của Công ty giai đoạn 2023 đến 2025

(đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Tài sản	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A	Tổng tài sản	234.594,75	236.204,83	237.080,49
I.	Tài sản ngắn hạn	23.300,84	24.075,98	27.204,33
1.1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.658,88	235,87	72,57
1.2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.643,77	13.052,53	17.367,52
1.3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.686,9	3.628,56	4.872,44
1.4.	Hàng tồn kho	5.636,17	6.223,21	4.669,36
1.5.	Tài sản ngắn hạn khác	675,14	935,8	222,44
II.	Tài sản dài hạn	211.293,91	212.128,87	209.876,16
2.1.	Tài sản cố định	206.781,74	208.101,44	205.854,31
2.2.	Các khoản đầu tư dài hạn	3.063,3	1.179,35	431,22
2.3.	Tài sản dài hạn khác	1.448,85	2.848,16	3.590,63
B	Tổng nguồn vốn	234.594,75	236.204,83	237.080,49
1.	Nợ phải trả	17.814,02	19.072,83	19.760,79
1.1.	Nợ ngắn hạn	17.798,52	18.972,13	19.730,09
1.2.	Nợ dài hạn	15,5	30,7	30,7
2.	Vốn chủ sở hữu	216.780,73	217.202	217.319,70

Dữ liệu trên cho thấy các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty trong giai đoạn 2023-2025 tương đối ổn định. Hệ số tổng tài sản trên nợ phải trả luôn ở mức cao, cho thấy khả năng thanh toán tổng quát của doanh nghiệp tốt. Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, thể hiện mức độ độc lập và khả năng tự bảo đảm về tài chính của Công ty.

Tuy nhiên, tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp lớn, trong đó tỷ trọng tài sản dài hạn chiếm tỷ lệ cao do đặc thù đầu tư hệ thống hạ tầng cấp nước. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) còn ở mức thấp, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn chưa cao và khả năng thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế.

Nguyên nhân chủ yếu do lĩnh vực cấp nước là ngành dịch vụ công ích, chịu sự quản lý về giá của Nhà nước; trong khi chi phí đầu tư và vận hành hệ thống cấp nước lớn nên mức lợi nhuận của doanh nghiệp không cao.

Tuy nhiên, với cơ cấu nguồn vốn ổn định và mức độ độc lập tài chính cao, Công ty vẫn có điều kiện thuận lợi để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước thực hiện các kế hoạch đầu tư phát triển trong giai đoạn tới.

1.3.3. Thực trạng sản xuất kinh doanh

1.3.3.1. Cơ sở vật chất

Bảng I-6: Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hệ thống cấp nước của Công ty

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Giá trị
1.	Số lượng nhà máy nước	Nhà máy	10
1.1.	Nhà máy nước Tả Lèng	m ³ /ngày	16.000
1.2.	Trạm xử lý và cấp nước Nùng Nàng	m ³ /ngày	2.000
1.3	Trạm xử lý và cấp nước Quyết Thắng	m ³ /ngày	1.500
1.4	Trạm xử lý và cấp nước Pa So, Phong Thổ	m ³ /ngày	2.000
1.5	Trạm xử lý và cấp nước Vàng Bó, Phong Thổ	m ³ /ngày	2.000
1.6	Nhà máy nước cửa khẩu Ma Lù Thàng	m ³ /ngày	1.000
1.7	Trạm xử lý và cấp nước Sìn Hồ	m ³ /ngày	2.000
1.8	Trạm xử lý và cấp nước Bình Lư	m ³ /ngày	2.000
1.9	Trạm xử lý và cấp nước Hua Nà, Than Uyên	m ³ /ngày	3.000
1.10	Trạm xử lý và cấp nước Mường Than, Than Uyên	m ³ /ngày	2.000
2	Tổng công suất thiết kế các NMN. Trong đó:	m ³ /ngày	33.500
2.1.	(1) Nước mặt	m ³ /ngày	30.000
2.2.	(2) Nước ngầm	m ³ /ngày	3.500
3.	Tổng công suất phát ra mạng lưới	m ³ /ngày	16.000
4.	Chiều dài tuyến ống . Trong đó:	km	245,65
4.1.	Tuyến ống có đường kính > 300mm	km	9,379
4.2.	Tuyến ống có đường kính 75-300mm	km	123,345
4.3.	Tuyến ống có đường kính 32-75mm	km	203,818
4.4.	Tuyến ống làm bằng gang	km	34,156
4.5.	Tuyến ống làm bằng thép	km	66,435
4.6.	Tuyến ống làm bằng HDPE	km	125,099

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Giá trị
4.7.	Tuyến ống làm bằng PVC	km	22,437
4.8.	Tuyến ống bằng PPR	km	84,450
4.9	Tuyến ống làm bằng vật liệu khác	km	3,815

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hiện đang quản lý và vận hành 10 nhà máy và trạm cấp nước với quy mô công suất vừa và nhỏ, trong đó Nhà máy nước Tả Lèng là công trình có công suất lớn nhất với 16.000 m³/ngày. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy và trạm cấp nước đạt khoảng 33.500 m³/ngày, trong khi công suất phát ra mạng lưới hiện khoảng 16.000 m³/ngày. Điều này cho thấy hệ thống cấp nước của Công ty vẫn còn dư địa để khai thác, mở rộng thị trường và nâng cao sản lượng cấp nước, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch tại các đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh đang từng bước gia tăng.

Mạng lưới đường ống cấp nước của Công ty có tổng chiều dài khoảng 336,44 km, với các loại vật liệu chủ yếu gồm ống thép, HDPE, PPR, PVC và ống gang. Hệ thống đường ống hiện được phân bố trên địa bàn các phường, xã trung tâm của tỉnh Lai Châu và các vùng phụ cận, bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân trong khu vực. Hạ tầng mạng lưới hiện có cũng tạo điều kiện thuận lợi để từng bước mở rộng phạm vi cấp nước khi nhu cầu sử dụng nước sạch và quá trình phát triển đô thị tiếp tục gia tăng.

1.3.3.2. Trình độ công nghệ

Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, hệ thống giám sát từ xa để quản lý mạng lưới, giảm thất thoát nước và nâng cao an toàn cấp nước. Công ty đã có phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý khách hàng; phần mềm quản lý chất lượng nước; Hệ thống quan trắc các chỉ tiêu nước thô; phần mềm quản lý văn bản, hệ thống SCADA (01), đồng thời công ty đã triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4. 100% văn bản chỉ đạo điều hành được xử lý trên môi trường điện tử.

1.3.3.3. Triển vọng phát triển

Giai đoạn 2026-2030, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong bối cảnh tỉnh Lai Châu tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển đô thị và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính, cùng với định hướng phát triển hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh, sẽ tạo điều kiện để Công ty phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, từng bước mở rộng phạm vi phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cùng với quá trình đô thị hóa, sự phát triển của các khu dân cư, hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh dự kiến sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch trong những năm tới. Quy hoạch phát triển đô thị và hạ tầng kỹ

thuật được triển khai đồng bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, gia tăng sản lượng nước thương phẩm và từng bước giảm tỷ lệ thất thoát nước theo định hướng phát triển bền vững của ngành cấp nước.

Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng và nội tỉnh đang mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy giao thương, thu hút đầu tư và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa đặc trưng của khu vực Tây Bắc, Lai Châu có tiềm năng phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa. Sự phát triển của các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, thương mại và các hoạt động kinh tế - dịch vụ sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, qua đó tạo thêm dư địa tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ nước của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở những điều kiện thuận lợi nêu trên, cùng với việc tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đầu tư cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước, tăng cường công tác quản lý vận hành, giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có triển vọng duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, từng bước mở rộng thị trường cung cấp nước sạch và đóng góp tích cực vào việc bảo đảm an sinh xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2026-2030.

1.3.3.4. Kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất

Bảng I-7: Hiện trạng về quản lý vận hành

Số TT	Chỉ số	Đơn vị	Giá trị
1.	Số nhân viên/1000 m ³ /ngày	người	3,97
2.	Số nhân viên trên 1.000 đầu nối	người	5,05
3.	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước năm 2025	%	20,1
4.	Tỷ lệ mẫu nước thử đạt Quy chuẩn	%	100
5.	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch năm 2025	%	79
6.	Tỷ lệ khách hàng có khiếu nại năm 2025	%	0,01
7.	Phần mềm kế toán	Phần mềm	01
8.	Phần mềm quản lý khách hàng	Phần mềm	01
9.	Phần mềm quản lý văn bản	Phần mềm	01
10.	Hệ thống SCADA	Hệ thống	01
11.	Số khách hàng tính tại thời điểm tháng 12/2025	khách hàng	26.231

Bảng I-8: Thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh các năm từ 2023 đến 2025

Số TT	Hạng mục	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng sản lượng nước sạch có doanh thu (m ³ /năm)	4.637.000	4.643.864	4.721.686
2	Tổng doanh thu (triệu đồng); trong đó	43.917,6	45.476,03	48.447,19
2.1	Doanh thu từ bán nước sạch (triệu đồng)	38.924,87	40.792,82	41.866,34
2.2	Doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	4.992,91	5.214,11	6.580,86
3.	Tổng chi phí (triệu đồng)	43.525,32	45.607,16	48.035,29
3.1	Chi phí sản xuất nước sạch (triệu đồng)	38.904,57	40.764,82	41.831,1
3.2	Chi phí khác	4.620,75	4.842,34	6.204,19
4.	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	392,46	399,77	411,9
5.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	0,89	0,87	0,85

Kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất cho thấy doanh thu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt được còn ở mức thấp, lần lượt đạt 392,46 triệu đồng năm 2023; 399,77 triệu đồng năm 2024 và 411,9 triệu đồng năm 2025. Với mức lợi nhuận này, khả năng tích lũy nguồn vốn để đầu tư phát triển của Công ty còn hạn chế. Trong hoạt động sản xuất, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến cuối năm 2025 duy trì ở mức khoảng 20,1%. Với quy mô công suất cấp nước chưa cao, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch ở mức này vẫn còn tương đối cao, làm gia tăng chi phí sản xuất, đồng thời làm giảm doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

1.3.4. Phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL)

Yếu tố Chính trị ((Political):

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh, do đó chịu tác động trực tiếp từ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và của tỉnh Lai Châu trong phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.

Trong những năm gần đây, tỉnh Lai Châu đã và đang quan tâm đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và từng bước nâng cao tỷ lệ hộ dân được tiếp cận với nguồn nước sạch hợp vệ sinh. Các định hướng và chương trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương tạo điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục phát huy vai trò là đơn vị chủ lực trong cung cấp nước sạch trên địa bàn, đồng thời mở rộng phạm vi cấp nước và phát triển khách hàng trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, do nước sạch là dịch vụ công thiết yếu liên quan trực tiếp đến đời sống người dân, chính quyền địa phương luôn yêu cầu bảo đảm cung cấp nước ổn định, an toàn và liên tục. Điều này đòi hỏi Công ty phải duy trì năng lực vận hành hệ thống cấp nước hiệu quả, đồng thời cân đối hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và trách nhiệm cung cấp dịch vụ công ích.

Yếu tố kinh tế (Economic)

Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Lai Châu trong những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hóa từng bước được nâng cao, các hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ngày càng phát triển. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng nhu cầu sử dụng nước sạch tại các đô thị, khu dân cư tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Tuy nhiên, Lai Châu vẫn là tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người chưa cao, dẫn đến khả năng chi trả cho dịch vụ nước sạch của một bộ phận người dân còn hạn chế. Đây là yếu tố ảnh hưởng nhất định đến việc mở rộng thị trường và lộ trình điều chỉnh giá nước theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí.

Bên cạnh đó, chi phí đầu vào của ngành cấp nước như điện năng, hóa chất xử lý nước, vật tư, thiết bị và chi phí vận hành hệ thống có xu hướng gia tăng theo biến động của thị trường. Điều này tạo áp lực nhất định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đòi hỏi Công ty phải tăng cường các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác hệ thống cấp nước.

Yếu tố Xã hội (Social)

Lai Châu là tỉnh miền núi, dân cư phân bố phân tán, quá trình đô thị hóa diễn ra chậm và quy mô dân số đô thị còn nhỏ. Nhu cầu sử dụng nước sạch tập trung chủ yếu tại trung tâm các xã, phường và một số khu dân cư tập trung; do đó quy mô thị trường nước sạch tuy có xu hướng tăng nhưng vẫn còn hạn chế so với các đô thị phát triển. Đồng thời, đặc điểm địa hình miền núi và dân cư phân tán cũng làm cho chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước và chi phí vận hành hệ thống cao hơn so với khu vực đồng bằng, trong khi sản lượng nước tiêu thụ tại nhiều khu vực chưa lớn, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả đầu tư hệ thống cấp nước.

Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhu cầu sử dụng nước sạch, đảm bảo vệ sinh và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được quan tâm. Đây là yếu tố thuận lợi để Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển khách hàng trong thời gian tới.

Yếu tố Công nghệ (Technological)

Sự phát triển của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực cấp nước đang tạo ra nhiều cơ hội để nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Các giải pháp công nghệ hiện đại như hệ thống giám sát và điều khiển tự động, công nghệ quan trắc trực tuyến, quản lý mạng lưới cấp nước theo vùng (DMA), hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các nền tảng quản lý dữ liệu ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong ngành cấp nước.

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu đã từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước. Công ty đã triển khai hệ thống SCADA trong quản lý, vận hành các nhà máy nước, cho phép giám sát và điều khiển từ xa các thông số kỹ thuật của hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư hệ thống quan trắc trực tuyến đối với chất lượng, lưu lượng nước, giúp theo dõi liên tục các chỉ tiêu quan trọng của quá trình khai thác và xử lý nước, kịp thời phát hiện các biến động của nguồn nước và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng nước cấp cho người dân.

Trong quản lý mạng lưới cấp nước, Công ty đã từng bước ứng dụng các giải pháp kiểm soát và điều tiết áp lực nước thông minh, góp phần ổn định áp lực trên mạng lưới, giảm nguy cơ rò rỉ, vỡ ống và hạn chế thất thoát nước. Đồng thời, Công ty cũng đang từng bước nghiên cứu áp dụng các phương pháp quản lý mạng lưới theo vùng và các công cụ số hóa dữ liệu hệ thống cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành trong thời gian tới.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, ngành cấp nước cũng đang từng bước chuyển dịch theo hướng ứng dụng công nghệ số và xây dựng hệ thống cấp nước thông minh (Smart Water). Xu hướng này tạo cơ hội để các doanh nghiệp cấp nước nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thất thoát nước, tối ưu hóa vận hành hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước số hóa dữ liệu và hiện đại hóa hệ thống quản lý, vận hành sẽ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực quản trị và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Yếu tố Môi trường (Environmental)

Nguồn nước phục vụ sản xuất nước sạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn nước mặt tự nhiên, chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện địa hình, khí hậu và sự biến động theo mùa. Do đặc điểm địa hình miền núi và chế độ thủy văn không ổn định, nhiều nguồn nước có lưu lượng nhỏ và thường xuyên suy giảm, thậm chí cạn kiệt cục bộ vào mùa khô, gây ảnh hưởng nhất định đến khả năng khai thác và cấp nước ổn định tại một số khu vực.

Bên cạnh đó, những năm gần đây tình hình thời tiết có nhiều biến động, các hiện tượng mưa lớn, lũ cục bộ hoặc khô hạn kéo dài có thể làm thay đổi lưu lượng và chất lượng nguồn nước, làm gia tăng yêu cầu trong công tác quản lý, khai thác và xử lý nước của các nhà máy nước.

Ngoài ra, yêu cầu về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước ngày càng được chú trọng; các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn nước, khai thác tài nguyên nước và xử lý chất thải trong quá trình sản xuất ngày càng chặt chẽ. Điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước, đồng thời đầu tư các giải pháp công nghệ và quản lý phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất nước sạch an toàn và bền vững.

Yếu tố Pháp lý (Legal)

Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, xây dựng, chất lượng nước sinh hoạt, cũng như các quy định về quản lý doanh nghiệp và nghĩa vụ thuế. Việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và bền vững.

Bên cạnh đó, hệ thống quy định pháp luật trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn chất lượng nước ngày càng được hoàn thiện và chặt chẽ hơn, đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát tuân thủ và đầu tư các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Đồng thời, trong bối cảnh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, minh bạch tài chính và thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

1.3.5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

Điểm mạnh:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, giữ vai trò chủ yếu trong việc cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất tại các đô thị, với thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và ít chịu sự cạnh tranh trực tiếp.
 - Hệ thống các nhà máy nước và mạng lưới cấp nước đã được đầu tư tại hầu hết các phường, xã trung tâm trên địa bàn tỉnh, tạo nền tảng thuận lợi cho việc mở rộng phạm vi và nâng cao năng lực cung cấp nước.
 - Đội ngũ cán bộ, công nhân viên có kinh nghiệm trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong điều kiện địa bàn miền núi.
 - Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tạo điều kiện chủ động hơn trong quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển và huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển.
-

Điểm yếu:

- Một số công trình cấp nước và mạng lưới đường ống được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuống cấp, làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước và chi phí vận hành.
- Năng lực tài chính của Công ty còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư phát triển và nâng cấp hệ thống cấp nước đòi hỏi nguồn vốn lớn.
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước còn hạn chế.
- Hiệu quả khai thác công suất của một số công trình cấp nước chưa cao do sản lượng tiêu thụ còn thấp so với công suất thiết kế.

Cơ hội:

- Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lai Châu trong những năm tới sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch.
- Nhà nước và chính quyền địa phương ngày càng quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực cấp nước tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.
- Nhu cầu sử dụng nước sạch tại các khu đô thị, khu dân cư mới, khu du lịch và dịch vụ ngày càng tăng.

Thách thức:

- Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, vừa phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh vừa phải thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước ổn định phục vụ đời sống nhân dân, trong bối cảnh giá nước chưa phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất.
- Địa hình miền núi phức tạp, dân cư phân bố không tập trung làm tăng chi phí đầu tư và vận hành hệ thống cấp nước.
- Tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn ở mức tương đối cao, đòi hỏi phải có nguồn lực đầu tư để cải tạo và nâng cấp mạng lưới.
- Giá nước chịu sự quản lý của Nhà nước, việc điều chỉnh giá còn phụ thuộc vào cơ chế và chính sách của cơ quan quản lý.

Từ kết quả phân tích môi trường kinh doanh theo mô hình PESTEL và SWOT cho thấy Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu có nhiều cơ hội để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đối mặt với một số khó khăn và thách thức do đặc thù địa bàn miền núi và nhu cầu đầu tư lớn cho hệ thống cấp nước. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026–2030 có ý

nghĩa quan trọng nhằm định hướng phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tới.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026- 2030

2.1. Cơ sở hoạch định

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua.
- Trên cơ sở đánh giá năng lực hiện có và tiềm năng phát triển của Công ty.
- Căn cứ phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển bền vững (PESTEL).

2.2. Mục tiêu phát triển

Trong giai đoạn 2026-2030, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu định hướng phát triển ổn định, bền vững, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ cấp nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu, với các mục tiêu chủ yếu sau:

- Từng bước mở rộng phạm vi cấp nước theo quy hoạch phát triển cấp nước của tỉnh; gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước sạch, nâng cao tỷ lệ dân số được tiếp cận và sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.
- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống công trình và mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cung cấp nước ổn định, an toàn cho các khu dân cư, khu dịch vụ và các khu vực có nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng.
- Bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định; kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.
- Tăng cường quản lý kỹ thuật và vận hành hệ thống nhằm giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu; đồng thời gia tăng sản lượng nước thương phẩm, doanh thu và hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hướng tới phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với cộng đồng.

2.3. Chiến lược phát triển

Giai đoạn 2026-2030, trong bối cảnh tỉnh Lai Châu tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng đô thị, phát triển dịch vụ và du lịch, cùng với việc từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng, nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa

bàn dự báo tiếp tục gia tăng. Trên cơ sở kế thừa kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn trước, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu định hướng phát triển theo hướng ổn định, bền vững, nâng cao năng lực cung cấp nước sạch và mở rộng phạm vi phục vụ trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện mục tiêu đó, Công ty tập trung triển khai các trụ cột chiến lược chủ yếu sau:

➤ ***Thứ nhất, phát triển và mở rộng hệ thống cấp nước.***

Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp các công trình cấp nước; bổ sung nguồn nước, nâng cao công suất các nhà máy xử lý nước và mở rộng hệ thống truyền dẫn, phân phối nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và du lịch trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy hoạch phát triển cấp nước và quy hoạch đô thị của địa phương.

➤ ***Thứ hai, mở rộng thị trường và gia tăng khách hàng sử dụng nước sạch.***

Từng bước mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng mới, nâng cao tỷ lệ dân số được tiếp cận và sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; đồng thời gia tăng sản lượng nước thương phẩm và doanh thu từ hoạt động cấp nước.

➤ ***Thứ ba, nâng cao hiệu quả vận hành và giảm thất thoát nước.***

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước; triển khai các giải pháp chống thất thoát theo khu vực và tuyến ống, từng bước giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu; đồng thời nâng cao năng lực cấp nước ổn định, an toàn và liên tục.

➤ ***Thứ tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và quản trị doanh nghiệp.***

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; đổi mới phương thức phục vụ, tăng cường tương tác với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực.

➤ ***Thứ năm, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.***

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và dịch vụ khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng phục vụ.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các trụ cột chiến lược trên, Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường cung cấp nước sạch và từng bước phát triển bền vững, góp phần phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2026-2030.

2.4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu giai đoạn đến năm 2030

Bảng II-10: Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính giai đoạn từ 2026 đến 2030

Số TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2026	2027	2028	2029	2030
1.	Tổng tài sản	Tr.đồng	237.080,49	238.500,00	240.000,00	242.000,00	244.000,00
2.	Vốn điều lệ	Tr.đồng	215.865,14	215.865,14	215.865,14	215.865,14	215.865,14
3.	Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m ³	5.829	5.879	5.892	5.905	5.953
4.	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	4.780	4.850	4.920	4.990	5.060
5.	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân	(%)	18	17,5	16,5	15,5	15
6.	Giá bán nước máy bình quân	Đồng/m ³	9.700	10.500	11.000	11.500	11.800
7.	Tỷ lệ mẫu nước thử đạt chất lượng theo Quy chuẩn	%	100	100	100	100	100
8.	Tổng doanh thu, trong đó:	Tr.đồng	50.000,00	51.605,28	52.460,54	54.433,57	56.000,58
8.1.	- Doanh thu bán nước sạch	Tr.đồng	43.616,00	47.105,28	49.460,54	51.933,57	53.500,58
8.2.	- Doanh thu khác	Tr.đồng	6.384,00	4.500,00	3.000,00	2.500,00	2.500,00
9.	Tổng chi phí sản xuất; trong đó:	Tr.đồng	49.585,00	51.175,28	52.020,54	53.983,57	55.540,58
9.1.	Chi phí lương	Tr.đồng	12.853,86	13.353,86	13.853,86	14.453,86	14.953,86
9.2.	Các chi phí sản xuất khác	Tr.đồng	36.731,14	37.821,42	38.166,68	39.529,71	40.586,72
10.	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	415,00	430,00	440,00	450,00	460,00
11.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu		0,83	0,83	0,84	0,83	0,82
12.	Tổng số lao động	Người	134	135	135	135	135
13.	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ/tháng	8,15	8,38	8,41	8,48	8,8

2.5. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030

Bảng II-11: Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản giai đoạn 2026-2030

STT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giai đoạn				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Chi nhánh nước Tân Phong	47,76	13,86	16,10	2,60	2,60	12,60
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	22,70	8,70	12,50	0,50	0,50	0,50
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	11,85	2,35	3,50	2,00	2,00	2,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	11,91	1,91				10,00
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,90	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10
5	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành Công ty	0,40	0,40				
II	Chi Nhánh nước Than Uyên	14,60	1,90	3,30	4,70	2,60	2,10
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	4,30	0,00	1,20	1,10	1,00	1,00
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	7,60	1,10	2,00	2,00	1,50	1,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,20	0,70		1,50		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
III	Chi nhánh nước Phong Thổ	16,60	0,80	1,00	2,10	7,60	5,10
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	7,40		0,90	1,00	5,50	
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	5,70	0,70				5,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	3,00			1,00	2,00	
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,50	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
IV	Chi nhánh nước Sìn Hồ	5,65	2,25	0,35	2,35	0,35	0,35
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	3,15	1,95	0,30	0,30	0,30	0,30
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	0,05	0,05				

3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,20	0,20		2,00		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,25	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
V	Chi nhánh nước Bình Lư	10,00	1,30	1,55	3,55	2,05	1,55
1	Đầu tư xây dựng mới hệ thống tuyến ống cấp nước	2,50		0,50	0,50	1,00	0,50
2	Đầu tư bổ sung tuyến ống cấp nước	5,25	1,25	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy/trạm xử lý nước	2,00			2,00		
4	Sửa chữa, nạo vét các đập đầu mối thu nước	0,25	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
VI	Mua sắm tài sản, trang thiết bị toàn Công ty, bảo trì hệ thống cấp nước	31,52	5,92	4,80	7,50	8,50	4,80
1	Thay thế đồng hồ đo nước lạnh của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng.	7,00	5,00	0,50	0,50	0,50	0,50
2	Hệ thống thiết bị, máy móc phục vụ công tác phòng, chống thất thoát; Kiểm soát chất lượng nước	7,02	0,42	0,30	3,00	3,00	0,30
3	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế tài sản, trang thiết bị máy móc toàn Công ty	4,50	0,50	1,00	1,00	1,00	1,00
4	Mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc toàn Công ty	13,00	0,00	3,00	3,00	4,00	3,00
Tổng cộng:		126,13	26,03	27,10	22,80	23,70	26,50

2.6. Các giải pháp chủ yếu

2.6.1. Giải pháp về quản lý

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng ban, chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống cấp nước, quản lý khách hàng và công tác ghi thu.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng quy trình quản lý thống nhất từ sản xuất, vận hành, kinh doanh đến chăm sóc khách hàng; thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động của từng bộ phận.
- Nâng cao hiệu quả quản lý mạng lưới cấp nước, đặc biệt trong công tác chống thất thoát, thất thu; từng bước hoàn thiện hệ thống đo đếm, phân vùng quản lý mạng lưới, kiểm soát lưu lượng nước cấp vào mạng và lượng nước tiêu thụ.
- Tăng cường quản lý khách hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng, kịp thời tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh của người dân; nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các đối tượng sử dụng nước, phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các trường hợp vi phạm như đấu nối trái phép, sử dụng nước không qua đồng hồ nhằm giảm tỷ lệ nước không thu được tiền.

- Xây dựng cơ chế tiền lương, khen thưởng và kỷ luật hợp lý, gắn với hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực cho người lao động.
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, quản lý khách hàng và điều hành doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và minh bạch thông tin.

2.6.2. Giải pháp về tổ chức và nhân sự

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực hiện có, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026-2030 phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Tăng cường đào tạo chuyên môn cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân vận hành về quản lý hệ thống cấp nước, giám sát thoát nước, quản lý khách hàng và ứng dụng công nghệ mới.
- Kết hợp đào tạo, tuyển dụng và bố trí lao động hợp lý, xây dựng cơ cấu lao động phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.
- Từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp, cải thiện môi trường làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng của cán bộ công nhân viên.

Tiền lương và chế độ đãi ngộ:

- Hoàn thiện quy chế trả lương, thưởng gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc, đảm bảo công bằng, minh bạch.
- Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực, tay nghề cao và những cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

2.6.3. Giải pháp về đầu tư và tài chính

- Công ty chủ động bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, đồng thời xây dựng kế hoạch huy động vốn vay tín dụng phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trong giai đoạn 2026-2030.
- Tăng cường quản lý và sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ, đúng mục tiêu, hạn chế thất thoát và lãng phí trong quá trình đầu tư xây dựng.
- Thực hiện quản lý tài chính chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo cân đối nguồn thu - chi, từng bước nâng cao năng lực tài chính của Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chi phí vật tư, điện năng, hóa chất và chi phí quản lý nhằm giảm giá thành sản xuất nước sạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng phương án giá nước phù hợp với quy định của Nhà nước, đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất và từng bước tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ và thu hồi tiền nước, hạn chế nợ đọng kéo dài, nâng cao hiệu quả dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh

2.6.4. Giải pháp kỹ thuật

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, hệ thống truyền dẫn và mạng lưới phân phối nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân và các hoạt động sản xuất, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và ổn định.
- Từng bước hiện đại hóa mạng lưới cấp nước, ưu tiên thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp hoặc có tỷ lệ thất thoát cao; lắp đặt bổ sung các thiết bị kiểm soát áp lực và lưu lượng nhằm nâng cao độ ổn định, an toàn và hiệu quả vận hành của hệ thống.
- Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát, thất thu nước sạch thông qua việc phân vùng quản lý mạng lưới cấp nước, lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng tại các khu vực cấp nước, kết hợp với các thiết bị phát hiện rò rỉ để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố trên hệ thống, góp phần giảm tỷ lệ nước không doanh thu.
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ đo nước, thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ và thay thế các đồng hồ đã hết niên hạn sử dụng hoặc có sai số lớn bằng các loại đồng hồ có độ chính xác cao nhằm đảm bảo đo đếm chính xác sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng, góp phần giảm thất thoát thương mại và tăng sản lượng nước thương phẩm của Công ty.
- Nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, xây dựng quy trình vận hành tối ưu đối với các nhà máy nước, trạm bơm và mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, tiết kiệm năng lượng và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước, thực hiện giám sát thường xuyên tại các công trình khai thác, nhà máy xử lý nước và trên mạng lưới phân phối, đảm bảo nước sạch cung cấp cho khách hàng luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý hệ thống cấp nước; từng bước triển khai các hệ thống giám sát và điều khiển từ xa (SCADA), xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý mạng lưới cấp nước trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý (GIS), góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành và phát triển hệ thống cấp nước.
- Tăng cường giám sát kỹ thuật trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình cấp nước; kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư, thiết bị và tiến độ thi công nhằm đảm bảo các công trình được xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và đưa vào khai thác hiệu quả.
- Chủ động nghiên cứu và áp dụng các công nghệ và giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, xử lý và phân phối nước sạch, góp phần giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

2.6.5. Duy trì và mở rộng thị trường

- Duy trì ổn định thị trường cấp nước hiện có, đồng thời từng bước mở rộng mạng lưới cấp nước tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung, khu tái định cư và các khu vực có nhu cầu sử dụng nước cao nhằm gia tăng phạm vi phục vụ của Công ty.
- Tăng cường công tác khảo sát, dự báo nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh Lai Châu.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương trong việc quy hoạch, phát triển hệ thống cấp nước, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, khuyến khích người dân và các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng nước thương phẩm, doanh thu của Công ty và từng bước nâng cao tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

2.6.6. Giải pháp tăng cường quan hệ và sự hỗ trợ từ chính quyền đô thị, cộng đồng

- Tăng cường phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật của địa phương.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của nước sạch đối với sức khỏe và đời sống, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ công trình và hệ thống cấp nước.
- Tăng cường sự phối hợp giữa Công ty, chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm như đấu nối trái phép, sử dụng nước không qua đồng hồ hoặc gây hư hỏng hệ thống cấp nước.
- Phối hợp với các địa phương trong việc tuyên truyền, vận động người dân đấu nối sử dụng nước sạch và mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống cấp nước, góp phần nâng cao tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Vai trò và trách nhiệm của ban lãnh đạo

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu có vai trò và trách nhiệm sau:

- **Hội đồng quản trị:**

- + Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- + Quyết định các chủ trương lớn về đầu tư phát triển, quản lý tài chính và phát triển hệ thống cấp nước của Công ty theo thẩm quyền quy định;
- + Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị và quy định quản lý nội bộ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- + Giám sát và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc và các đơn vị trực thuộc;
- + Xem xét, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh khi cần thiết nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

- **Ban Giám đốc:**

- + Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị quyết định;
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty để trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo quy định của Điều lệ Công ty.;
- + Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
- + Ban hành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh;
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Vai trò và trách nhiệm của từng bộ phận

Để hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 – 2030, các phòng ban và đơn vị trực thuộc có trách nhiệm như sau::

Phòng Tổ chức Hành chính:

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự, lao động tiền lương và công tác hành chính của Công ty;
- + Chủ trì tham mưu xây dựng, rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị, quy định quản lý nội bộ của Công ty; phối hợp với các phòng ban liên quan trong quá trình xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, ban hành theo thẩm quyền;
- + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, người lao động.
- + Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
- + Quản lý công tác hành chính, văn thư, lưu trữ và tài sản phục vụ hoạt động của Công ty.

- **Phòng Kế hoạch Kỹ thuật**

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định của Công ty;

- + Chủ trì lập và tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. ực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty;
- + Tham mưu triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước; quản lý tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch được phê duyệt;
- + Tổ chức lập, thẩm định và quản lý dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn và các dự án đầu tư của Công ty theo quy định;
- + Tham mưu công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các công trình xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật;
- + Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, vận hành hệ thống cấp nước và thi công xây lắp;
- + Quản lý công tác kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; phối hợp với các đơn vị trong việc đảm bảo vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất nước;
- + Tổng hợp, phân tích các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tham mưu cho Ban Giám đốc các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển hệ thống cấp nước.

- **Phòng Kế toán Tài vụ:**

- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính và sử dụng nguồn vốn của Công ty.
- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn và đảm bảo cân đối tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác kế toán, quản lý tài sản, nguồn vốn và hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật.
- + Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty; phối hợp với các phòng ban liên quan trong việc xây dựng kế hoạch doanh thu, chi phí và các chỉ tiêu tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Giám sát tình hình sử dụng vốn, chi phí sản xuất kinh doanh; theo dõi và phân tích hiệu quả hoạt động tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- + Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, quyết toán và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.
- + Phối hợp với các phòng ban và đơn vị trực thuộc trong việc theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt.

- **Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng:**

- + Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng và triển khai chiến lược phát triển thị trường và khách hàng sử dụng nước sạch của Công ty.

- + Quản lý công tác phát triển khách hàng, tổ chức ký kết và quản lý hợp đồng cung cấp nước sạch với khách hàng theo quy định.
- + Tổ chức thực hiện công tác ghi chỉ số đồng hồ nước, lập hóa đơn và theo dõi thu tiền nước của toàn Công ty.
- + Quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu khách hàng sử dụng nước sạch; theo dõi sản lượng nước tiêu thụ và tổng hợp các chỉ tiêu liên quan đến tiêu thụ nước.
- + Xây dựng kế hoạch tiêu thụ nước sạch, kế hoạch phát triển khách hàng và kế hoạch doanh thu tiền nước hàng năm.
- + Theo dõi việc thực hiện giá bán nước sạch theo quy định của UBND tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra và quản lý việc áp dụng giá nước đối với từng đối tượng khách hàng.
- + Tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, phản ánh của khách hàng; tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.
- + Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý các trường hợp sử dụng nước sai mục đích, gian lận trong sử dụng nước nhằm hạn chế thất thu tiền nước.

• Phòng Quản lý Chất lượng

- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý chất lượng nước sạch, công tác hóa nghiệm, phòng chống thất thoát nước và kiểm tra kỹ thuật hệ thống cấp nước.
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các nhà máy nước, trên hệ thống mạng lưới cấp nước và tại điểm sử dụng của khách hàng, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- + Quản lý và theo dõi hệ thống giám sát chất lượng nước; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trong việc sử dụng thiết bị kiểm nghiệm và hóa chất xử lý nước.
- + Tham mưu và triển khai các giải pháp phòng, chống thất thoát nước; tổng hợp, phân tích số liệu thất thoát và đề xuất các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty.
- + Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra vận hành hệ thống cấp nước, phát hiện và xử lý các điểm rò rỉ, cũng như các hành vi vi phạm trong sử dụng nước.

• Các Chi nhánh sản xuất nước:

- + Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống cấp nước trên địa bàn được giao, đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục, ổn định và đạt chất lượng theo quy định;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ nước, kế hoạch sử dụng điện năng, hóa chất, vật tư và kế hoạch phát triển khách hàng của đơn vị theo chỉ tiêu kế hoạch của Công ty;

- + Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống công trình cấp nước; kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố trên mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo an toàn và ổn định trong cung cấp nước.
- + Phối hợp với các phòng chuyên môn của Công ty trong công tác kiểm soát chất lượng nước, phòng chống thất thoát nước và quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước.
- + Tổ chức quản lý khách hàng trên địa bàn; thực hiện công tác ghi chỉ số đồng hồ nước, phối hợp thu tiền nước và phát triển khách hàng mới.
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản, vật tư, thiết bị và các nguồn lực được Công ty giao.
- + Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc bảo vệ công trình cấp nước, tuyên truyền sử dụng nước sạch và xử lý các hành vi vi phạm hệ thống cấp nước.
- + Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

• **Chi nhánh nước tinh khiết Lawa**

- + Tổ chức sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết Lawa, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- + Quản lý, sử dụng hiệu quả vật tư, tiền vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- + Đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện đúng các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và các quy định có liên quan trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030, các phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển của Công ty.

Nơi nhân:

- TV HĐQT;
- TV Ban kiểm soát;
- Ban giám đốc;
- Lưu HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F3

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đầu tư Thăng Long ký ban hành ngày 20/01/2026.

Báo cáo tài chính của Công ty được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: *capnuoclaichau.vn*.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F4

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tổng doanh thu và thu nhập năm 2025	Triệu đồng	48.447,19
2	Tổng chi phí năm 2025	Triệu đồng	47.933,12
3	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	Triệu đồng	514,07
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025	Triệu đồng	102,17
5	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	Triệu đồng	411,89
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các kỳ trước	Triệu đồng	287,48
7	Tổng Lợi nhuận phân phối năm 2025	Triệu đồng	699,38
7.1	Trích lập các quỹ:	Triệu đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển 30%	Triệu đồng	209,81
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%	Triệu đồng	69,93

7.2	Chi trả cổ tức (60% LNST/VĐL: 19,44 đồng/cổ phần)	Triệu đồng	419,62
7.3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Triệu đồng	0

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế dự kiến	Đồng	415.000.000
2	Trích lập các quỹ	Đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển 30%	Đồng	124.500.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%	Đồng	41.500.000
3	Chi trả cổ tức (60%)	Đồng	249.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS, BGD;
- Website công ty;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /TTr-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F5

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao thành viên hội đồng, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn 1831/STC-QLDN&ĐKKD ngày 01/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tiền lương, thù lao thành viên hội đồng, Ban kiểm soát, Ban điều hành, người lao động năm 2025 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2026 như sau:

A. MỨC TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025

I. Các chỉ tiêu xác định

1. Chỉ tiêu về lao động

1.1. Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách

- Số Thành viên hội đồng, kiểm soát viên chuyên trách kế hoạch năm 2025: 02 người.

- Số Thành viên hội đồng, kiểm soát viên chuyên trách thực hiện năm 2025: 02 người.

1.2. Số lao động bình quân

- Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2025: 124 người, trong đó: Lao động: 121 người; Ban điều hành: 03 người.

- Tổng số lao động bình quân thực hiện năm 2025: 116 người, trong đó: Lao động: 114 người; Ban điều hành: 02 người.

Số lao động bình quân thực hiện năm 2025 giảm 08 người so với kế hoạch, bao gồm: 01 phó giám đốc nghỉ hưu, 04 người lao động xin nghỉ việc, 03 người dự kiến nhưng chưa tuyển dụng.

2. Doanh thu - lợi nhuận

* Doanh thu:

- Kế hoạch năm 2025: 49.616 triệu đồng.

- Thực hiện năm 2025: 48.447 triệu đồng.

=> Doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 97,64% so với kế hoạch.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khác đều đạt và vượt kế hoạch. Riêng chỉ tiêu doanh thu nước sạch không đạt do yếu tố khách quan, giá nước do nhà nước định giá nhưng Thông tư 44/2021/TT-BTC quy định về khung giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá nước sinh hoạt hết hiệu lực, chưa có văn bản thay thế kịp thời nên doanh thu từ nước sạch không đạt so với kế hoạch là 2.220 triệu đồng.

* Lợi nhuận trước thuế:

- Kế hoạch năm 2025: 600 triệu đồng.

- Thực hiện năm 2025: 514,071 triệu đồng.

=> Lợi nhuận thực hiện năm 2025 đạt 85,68% so với kế hoạch.

Doanh thu tiền nước không đạt do giá nước chưa được phê duyệt kịp thời; trong khi giá cả thị trường, nhân công, nguyên vật liệu vẫn tăng nên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch là 85,929 triệu đồng.

3. Năng suất lao động

- Kế hoạch năm 2025: 113,06 triệu đồng/người/năm;

- Thực hiện năm 2025: 111,05 triệu đồng/người/năm.

=> Năng suất thực hiện năm 2025 đạt 98,22% so với kế hoạch.

Do chỉ tiêu doanh thu nước sạch không đạt nên năng suất lao động thực hiện đạt giảm so với kế hoạch.

II. Thực hiện năm 2025

Chi tiết số liệu các chỉ tiêu thực hiện theo biểu tổng hợp sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025 điều chỉnh tăng 8%	Thực hiện năm 2025	Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025 (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	49.616	48.447	97,64
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm :	Tr.đồng	49.166	47.775	97,17
	Doanh thu nước sạch	Tr.đồng	44.086	41.866	94,96
	Nước tinh khiết Lawa	Tr.đồng	1.000	1.046	104,60
	Bán lẻ vật tư	Tr.đồng	2.000	2.681	134,05
	Điện Nhà Khảm	Tr.đồng	600	613	102,17
	Lắp đặt mạng cáp III	Tr.đồng	1.180	1.191	100,93
	Công trình xây lắp	Tr.đồng	300	378	126,00
-	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	450	648	144,00

-	Thu nhập khác	Tr. đồng	-	24	
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.650	4.712	101,33
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	49.116	48.035	97,80
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	600	514	85,67

Căn cứ khoản 1, Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả tiền lương, thù lao Công ty lựa chọn xác định quỹ tiền lương chung từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 như xác định tiền lương, thù lao 7 tháng năm 2025 quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 248/2025/NĐ-CP nhưng tính cho thời gian 5 tháng.

1. Tiền lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Căn cứ khoản 1, Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP: "...Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản".

Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng quỹ tiền lương chi trả không đảm bảo (nếu tính đúng tính đủ theo quy định thì tiền lương của Chủ tịch, Kiểm soát viên tăng cao hơn so với kế hoạch). Vì vậy, công ty lựa chọn mức lương cơ bản theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP để xác định tiền lương, cụ thể:

1.1. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện phần vốn nhà nước

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025: 36.715.502 đồng/tháng.

- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2025: 30.559.476 đồng/tháng, cụ thể:

Lương chính + Phụ cấp (cấp ủy + ăn ca 3 tháng đầu năm chưa áp dụng cách tính lương mới) = $(27.000.000 \times 3) + (31.000.000 \times 9) + 6.713.709 = 366.713.709$ đồng.

=> Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025: 366.713.709 đồng.

1.2. Trưởng ban Kiểm soát

- Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025: 21.318.679 đồng/tháng.

- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2025: 17.154.848 đồng/tháng, cụ thể:

Lương chính + Phụ cấp (cấp ủy + ăn ca 3 tháng đầu năm chưa áp dụng cách tính lương mới) = $(14.000.000 \times 3) + (18.000.000 \times 9) + 1.858.182 = 205.858.182$ đồng

=> Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025: 205.858.182 đồng.

1.3. Thù lao thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách

- Thành viên hội đồng: $(2 \text{ người} \times 4.000.000 \times 3^{\text{th}} + 3 \text{ người} \times 5.000.000 \times 9^{\text{th}}) = 159.000.000$ đồng

- Kiểm soát viên: $(2 \text{ người} \times 2.000.000 \times 3^{\text{th}} + 2 \text{ người} \times 3.000.000 \times 9^{\text{th}}) = 66.000.000$ đồng

Tổng thù lao thực hiện: $159.000.000 + 66.000.000 = 225.000.000$ đồng.

=> **Tổng lương thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách và thù lao năm 2025: 366.713.709 + 205.858.182 + 225.000.000 = 797.571.891 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm chín bảy triệu, năm trăm bảy một nghìn, tám trăm chín một đồng).

2. Tiền lương Ban điều hành và người lao động

2.1. Xác định mức tiền lương thực hiện

- Mức tiền lương kế hoạch năm 2025: 8.520.287 đồng/tháng.
- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025: 12.678.187.056 đồng.
- Mức tiền lương thực hiện:

Năng suất lao động thực hiện đạt 98,22% so với kế hoạch. Vì vậy, công ty xác định mức tiền lương của Ban điều hành và người lao động như sau:

$$= 8.520.287 \times 98,22 = 8.368.626 \text{ đồng/tháng}$$

=> **Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025: 8.368.626 x 116 người x 12 tháng = 11.649.127.000 đồng** (Bằng chữ: Mười một tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu một trăm hai bảy nghìn đồng).

Tổng tiền lương thực hiện của Ban điều hành và người lao động thực tế chi năm 2025: 11.619.333.298 đồng; Mức tiền lương bình quân là 8.347.222 đồng.

Trong đó:

*** Người lao động: 10.917.380.989 đồng.**

*** Ban điều hành = 701.952.309 đồng**

- Giám đốc = Lương chính + Phụ cấp (cấp ủy + ăn ca 3 tháng đầu năm chưa áp dụng cách tính lương mới)

$$= (22.000.000 \times 3) + (25.000.000 \times 9) + 7.210.591 = 298.210.591 \text{ đồng}$$

- Phó Giám đốc = Lương chính + (cấp ủy + ăn ca 3 tháng đầu năm chưa áp dụng cách tính lương mới)

$$= (20.000.000 \times 8) + 4.935.136 = 164.935.136 \text{ đồng.}$$

- Kế toán trưởng = Lương chính + Phụ cấp (cấp ủy + ăn ca 3 tháng đầu năm chưa áp dụng cách tính lương mới)

$$= (18.000.000 \times 3) + (20.000.000 \times 9) + 4.806.582 = 238.806.582 \text{ đồng.}$$

B. MỨC CHI VÀ PHƯƠNG ÁN CHI LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2026

I. Căn cứ xây dựng phương án

- *Chỉ tiêu về số lao động*: Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026: 118 người (trong đó, lao động 115 người, Ban điều hành 03 người).

- *Chỉ tiêu tổng doanh thu:*

- + Doanh thu thực hiện năm 2025: 48.447,197 triệu đồng;
- + Doanh thu kế hoạch năm 2026: 50.000 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu năng suất lao động*

- + Năng suất lao động thực hiện năm 2025: 111,05 triệu đồng/người;
- + Năng suất lao động kế hoạch năm 2026: 112,44 triệu đồng/người.

- *Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:*

- + Lợi nhuận thực hiện năm 2025: 514,071 triệu đồng.
- + Lợi nhuận kế hoạch năm 2026: 520,0 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận:*

- + Tỷ suất lợi nhuận thực hiện năm 2025: 0,2366%
- + Tỷ suất lợi nhuận kế hoạch năm 2026: 0,23887%

- *Chỉ tiêu tổng chi phí chưa có lương*

- * Tổng chi phí chưa có lương thực hiện năm 2025: 35.565,040 triệu đồng.
- * Tổng chi phí chưa có lương kế hoạch năm 2026: 36.732 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi phí NVL trực tiếp: 4.985 triệu đồng
 - + Chi phí sản xuất chung: 23.455 triệu đồng
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 8.100 triệu đồng
 - + Chi phí bán hàng: 190 triệu đồng

- *Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân của người lao động và ban điều hành*

- + Năng suất lao động thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành

$$W_{th2025} = (\text{Tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương})/\text{số lao động}$$

$$W_{th2025} = (48.447,197 - 35.565,040)/116 = 111,05 \text{ triệu đồng.}$$

Năng suất lao động thực hiện năm 2025: 111,05 triệu đồng/người/năm.

- + Năng suất lao động kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành

$$W_{kh2026} = (\text{Tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương})/\text{số lao động}$$

$$W_{kh2026} = (50.000 - 36.732)/118 = 112,44 \text{ triệu đồng.}$$

Năng suất lao động kế hoạch năm 2026: 112,44 triệu đồng/người/năm.

II. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

1. Mức tiền lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Thành viên hội đồng và Trưởng ban kiểm soát

* Xác định mức tiền lương cơ bản:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026; đối chiếu với các chỉ tiêu tại Mục II Phụ lục kèm theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ. Công ty áp dụng mức lương cơ bản theo Mức 3, Nhóm II Bảng mức lương cơ bản của Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Mức lương cơ bản của Chủ tịch công ty: 37.000.000đ/tháng.
- Mức lương cơ bản của Trưởng ban Kiểm soát viên: 18.000.000đ/tháng.

* Xác định mức tiền lương kế hoạch:

Căn Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ: “Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản”. Công ty xác định mức tiền lương kế hoạch gắn với mức tăng lợi nhuận.

* Mức tiền lương kế hoạch theo tháng:

- Chủ tịch công ty = $37.000.000đ \times (520/514,071) = 37.426.737$ đồng/tháng.

=> $Q_{khct2026} = 37.426.737$ đồng x 12 tháng = 449.120.841 đồng.

- Trưởng ban kiểm soát công ty = $18.000.000đ \times (520/514,071) = 18.207.602$ đồng/tháng.

=> $Q_{khks2026} = 18.207.602$ đồng x 12 tháng = 218.491.220 đồng.

*** Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát công ty năm 2026**

$$449.120.841đ + 218.491.220đ = 667.612.061 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Sáu trăm sáu bảy triệu, sáu trăm mười hai nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

2. Mức thù lao của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách

* Số thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách: 05 người (trong đó, thành viên hội đồng 03 người, kiểm soát viên không chuyên trách 02 người).

* Thù lao thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách:

- Thành viên hội đồng: $(1 \text{ người} \times 5.000.000đ \times 1,5 \text{ tháng} + 2 \text{ người} \times 5.000.000đ \times 12 \text{ tháng}) = 127.500.000$ đồng.

- Kiểm soát viên: 2 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 72.000.000 đồng.

* Tổng tiền thù lao: 127.500.000đ + 72.000.000đ = 199.500.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín chín triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)

3. Tổng tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát và thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026

$$Q_{kh2026} = 667.612.061 + 199.500.000 = 867.112.061 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn, không trăm sáu mươi đồng)

III. Mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành

1. Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2025:

- Quỹ tiền lương của người lao động năm 2025: **10.917.380.989** đồng.

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành thực hiện năm 2025: **701.952.309** đồng, trong đó:

=> **Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành:**

$$Q_{th2025} = 10.917.380.989 + 701.952.309 = 11.619.333.298 \text{ đồng}$$

- Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2025 của người lao động và Ban điều hành

$$TL_{bqth2025} = 11.619.333.298 / 116 \text{ người} / 12 \text{ tháng} = 8.347.222 \text{ đồng/tháng.}$$

2. Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026

Công ty có năng suất lao động kế hoạch và lợi nhuận kế hoạch tăng so với thực hiện năm 2025. Do vậy, Công ty xác định $H_{tln} = 1,0$; mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026 theo công thức:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} + \frac{W_{kh}}{W_t} \cdot H_{tln} \cdot (- 1) \cdot x$$

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành trên tháng:

$$TL_{bqkh} = 8.347.222 + \frac{2,44}{11} \cdot (- 1) \cdot x \cdot 1 = 8.451.703 \text{ đ}$$

=> Mức tiền lương bình quân kế hoạch 2026: 8.451.703 đồng/tháng.

3. Xác định mức tiền lương kế hoạch năm 2026

Công ty xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 theo công thức:

$$Q_{kh} = TL_{bqkh} \times L_{khhq} \times t$$

$$Q_{kh} = 8.451.703 \text{ đ} \times 118 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 11.967.611.448 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm sáu bảy triệu, sáu trăm mười một nghìn, bốn trăm bốn tám đồng).

Trong đó:

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành (đã bao gồm các khoản phụ phí) = thực hiện 2025 + Mức tăng năng suất lao động năm 2026

$$= 701.952.309 \text{ đ} \times (112,44/111,05) = 710.738.565 \text{ đồng}$$

+ Lương Giám đốc (lương cơ bản): 25.000.000đ/tháng

+ Lương Phó giám đốc (lương cơ bản) = 20.000.000đ/tháng

+ Lương Kế toán trưởng (lương cơ bản) = 20.000.000đ/tháng

Các khoản tăng thêm theo năng suất, phụ cấp khác theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của đơn vị.

- Quỹ tiền lương của Người lao động năm 2026 = **11.967.611.448 - 710.738.565 = 11.256.872.883 đồng**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /BC-HĐQT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F6

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu gồm 5 thành viên, đại diện cho chủ sở hữu quản lý Công ty, bao gồm:

- Ông Vì Văn Chung - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chí Công - TV HĐQT, Giám đốc Công ty
- Ông Phạm Công Hợp - TV HĐQT
- Ông Đỗ Văn Trung - TV HĐQT
- Ông Lê Tuấn Nam - TV HĐQT

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, giám sát và định hướng hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách các lĩnh vực để chỉ đạo, theo dõi và giám sát hoạt động của Ban điều hành. Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Giám đốc, trong năm 2025 Công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt một số chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		So sánh % hoàn thành	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch	TH 2025/ TH 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	46.100	48.447	105,1	105,5
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 m ³	4.650	4.712	101,3	101,5
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	45.700	48.036	105,1	105,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	400	411	102,8	102,8
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	8,1	8,1	100,0	107,3

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh. Các nội dung đầu tư chủ yếu gồm: xây dựng và mở rộng các tuyến ống cấp nước; lắp đặt bổ sung mạng lưới cấp nước tại một số khu dân cư và khu vực có nhu cầu sử dụng nước tăng cao; cải tạo, nâng cấp một số trạm xử lý nước và công trình thu nước; thay thế các đồng hồ nước của khách hàng đã hết niên hạn sử dụng; mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

Các dự án và hạng mục công trình được tổ chức triển khai theo đúng trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước và được quản lý chặt chẽ trong quá trình thực hiện. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng 28 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trên 19,85 tỷ đồng.

Các hạng mục đầu tư sau khi hoàn thành và đưa vào khai thác đã góp phần mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực cấp nước, cải thiện chất lượng dịch vụ và từng bước mở rộng phạm vi phục vụ của Công ty. Đồng thời, việc thay thế đồng hồ nước của các khách hàng đã hết niên hạn sử dụng đã nâng cao chất lượng công tác đo đếm, góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, qua đó làm tăng sản lượng và doanh thu nước sạch của Công ty.

Nhìn chung, các công trình sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025

Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát và Ban điều hành công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, quy chế trả lương của công ty và các quy định hiện hành.

IV. CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

HDQT Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư Thăng Long, đơn vị kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã lựa chọn và thông qua là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. Đây là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, chi phí kiểm toán hợp lý, đảm bảo tiến độ thời gian theo yêu cầu của Công ty.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ CỦA HDQT NĂM 2025

1. Hoạt động của HDQT trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và họp đột xuất khi cần thiết để thảo luận, xem xét và quyết định các vấn đề quan trọng

thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được thực hiện đúng thẩm quyền, linh hoạt và hiệu quả. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi giám sát của Ban Kiểm soát.

Công tác công bố thông tin và báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các thông tin hoạt động của Công ty được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định để xem xét, định hướng và thông qua báo cáo tài chính các quý trong năm; đồng thời ban hành 20 nghị quyết và quyết định, cụ thể như sau:

STT	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	12/02/2025	Nghị quyết V/v Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
2	19/3/2025	Nghị quyết V/v Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	25/3/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
4	31/3/2025	Nghị quyết Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu, nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
5	31/3/2025	Quyết định Thành lập Ban Quản lý dự án các công trình do Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu làm chủ đầu tư năm 2025	100%
6	31/3/2025	Quyết định V/v Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2025	100%
7	01/4/2025	Nghị quyết V/v Bổ nhiệm Thư ký công ty	100%
8	10/4/2025	Nghị quyết V/v thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch đầu tư và phân bổ nguồn tài chính năm 2025	100%
9	09/5/2025	Nghị quyết V/v cho chủ trương mua máy xúc mini	100%
10	20/5/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%

11	18/7/2025	Nghị quyết V/v Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	100%
12	01/8/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
13	15/8/2025	Quyết định V/v Ban hành quy chế sử dụng xe ô tô	100%
14	15/8/2025	Quyết định V/v Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	100%
15	29/8/2025	Quyết định V/v phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030	100%
16	25/9/2025	Quyết định V/v Ban hành Nội quy lao động	100%
17	26/9/2025	Nghị quyết Cho chủ trương về công tác nhân sự	100%
18	13/10/2025	Nghị quyết V/v Điều chỉnh kế hoạch đầu tư và phân bổ nguồn tài chính năm 2025	100%
19	19/12/2025	Nghị quyết V/v cho thuê Nhà máy thủy điện Nà Khảm	100%
20	31/12/2025	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2025	100%

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 21.586.514 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 21.566.514 cổ phần
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (Số cổ phần CBCNV công ty đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp cổ phần hóa): 263.000 cổ phần (Đã trừ 20.000 CP)
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
UBND tỉnh Lai Châu	21.121.914	97,85
Cổ đông phổ thông	444.600	2,06
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,09
Tổng cộng	21.586.514	100,0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

3. Công tác nhân sự, tổ chức:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty và cho ý kiến về công tác bổ nhiệm chức danh trưởng, phó một số phòng, ban, đơn vị trong Công ty.

Công tác cán bộ và tuyển dụng lao động: Luôn quan tâm, chú trọng, giao Ban Giám đốc Công ty định kỳ rà soát sắp xếp lao động tại các đơn vị để phát huy hiệu quả công việc. Chỉ đạo tuyển dụng bổ sung một số vị trí đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc đã triển khai đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao và các quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp; đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban Giám đốc đoàn kết, phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành; thực hiện tốt nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công phụ trách, góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty đúng định hướng, thực hiện tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; chỉ đạo Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Duy trì ổn định và từng bước phát triển hệ thống cấp nước; nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành các nhà máy và mạng lưới cấp nước; bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước theo kế hoạch đã được phê duyệt; từng bước nâng cao năng lực cấp nước, mở rộng phạm vi phục vụ và phát triển khách hàng.

- Tăng cường các giải pháp quản lý kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong vận hành hệ thống cấp nước; đẩy mạnh công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm thực hiện đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đồng thời chăm lo đời sống, thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động, góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định và phát triển bền vững.

Năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần giữ vững sự ổn định và phát triển của Công ty. Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông trong quá trình hoạt động của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng năm 2026, Hội đồng quản trị báo cáo các quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT;
- BGĐ, BKS;
- Lưu: HĐQT (TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vì Văn Chung

Số: /BC-BKS

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F7

BÁO CÁO
Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024.

Ban Kiểm soát báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Về nhân sự

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu gồm 03 người, cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Bà Lê Thị Thà | - Trưởng ban |
| 2. Bà Đỗ Thị Thanh Huyền | - Thành viên |
| 3. Ông Trần Việt Đức | - Thành viên |

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời xây dựng bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Kiểm soát.

Xây dựng chương trình hoạt động và thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc; Thẩm định kỳ báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm; Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác của Công ty.

Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các buổi họp do HĐQT tổ chức, tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty thông qua báo cáo 6 tháng và báo cáo năm.

- Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật của Nhà nước đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị trong toàn Công ty.

- Thẩm tra báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.

3. Đánh giá năng lực, hiệu quả của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025 trên tinh thần trách nhiệm được quy định tại các văn bản luật, trong quá trình hoạt động đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Kiểm tra một cách độc lập, khách quan, kịp thời và báo cáo các ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động và cảnh báo các nguy cơ rủi ro của Công ty.

Nhìn chung, trong năm qua Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2025 /KH năm 2025 (%)	Thực hiện năm 2025/Thực hiện năm 2024 (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	46,100	48,5	105,21	105,44
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	400	411,89	102,97	103,03
3	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	Triệu đồng	8,1	8,1	100	107

Đánh giá chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2025, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao; các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch của Đại hội cổ đông đề ra. Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất tăng 5,44% so với năm 2024, đạt 105,21% so với kế hoạch được đại hội đồng cổ đông giao, nhưng chỉ đạt 97,63% so với mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính phủ.

Về chỉ định công ty kiểm toán báo cáo tài chính: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị đã lựa chọn các đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho Công ty.

2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên HĐQT có sự thống nhất cao. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc. Trong năm 2025 Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Trong năm 2025, HĐQT và Ban Giám đốc đã có những định hướng đúng đắn cho hoạt động SXKD, tập trung vào hoạt động mở rộng thị trường và phát triển khách hàng; đảm bảo về chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng; Đào tạo kỹ năng, kỹ thuật cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất vận hành, trực tuyến thu ngân, xử lý sự cố; Nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý cho bộ phận lãnh đạo quản lý trong công ty.

3. Thẩm định báo cáo tài chính

Việc thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm đã được Ban Kiểm soát thực hiện theo kế hoạch và triển khai phù hợp với chu kỳ hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; Mở sổ kế toán chi tiết, tổng hợp đúng quy định. Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện. Các báo cáo của Ban Kiểm soát đều được triển khai thực hiện sau khi thống nhất và được gửi cho HĐQT Công ty xem xét.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung yêu cầu và tham dự, góp ý tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

- Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT; Ban Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Những vấn đề phát sinh, những vấn đề có nguy cơ rủi ro Ban Kiểm soát đều báo cáo và kiến nghị gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình. Ban Kiểm soát đánh giá Ban Giám đốc trong các năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; đúng quy chế và phù hợp với các Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông, không có vi phạm nào ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Về phân phối lợi nhuận

Công ty đã trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Về thù lao

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã nhận được đủ lương và thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

3. Về đơn vị kiểm toán

HĐQT đã phối hợp với Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính đủ điều kiện, năng lực thực hiện.

4. Sửa đổi Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty và sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

V. KẾT LUẬN

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2025 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban Kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Giám sát, kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng và năm cùng với việc kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán và công tác khác theo chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

2. Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.

3. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

4. Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai công tác đầu tư, phát triển khách hàng; quy chế chi trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

5. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các thành viên BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Lê Thị Thà

Số: /TTr-BKS

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

F8

TỜ TRÌNH
V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến thời điểm hiện tại. Sau khi xem xét năng lực và chi phí kiểm toán của một số Công ty kiểm toán. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Đầu tư Thăng Long

- Địa chỉ: Phòng 503, tòa HH2 Bắc Hà, số 15 Tố Hữu, P Thanh Xuân, Hà Nội

2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

- Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, P Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

- Địa chỉ: Hapulico Complex, Tầng 15, Tòa nhà Center Building, Nguyễn Huy Trường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

F9

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Lai Châu, năm 2026

MỤC LỤC

Chương I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương II.....	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
Chương III.....	3
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
Chương IV.....	5
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
Chương V.....	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
Chương VI.....	8
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Chương VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Chương VIII	31
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 33. Người điều hành Công ty	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	32
Chương IX.....	33
BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	33
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát	34

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
Chương X	36
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng.....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
Chương XI.....	37
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
Chương XII.....	38
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	38
Chương XIII	38
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	38
Chương XIV	39
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 48. Năm tài chính	40
Điều 49. Chế độ kế toán	40
Chương XV	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO	40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 51. Kiểm toán	40
Chương XVII.....	41

CON DẤU	41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp:	41
Chương XVIII	41
GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 54. Thanh lý	41
Chương XIX	42
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
Chương XX	43
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 56. Điều lệ công ty	43
Chương XXI	43
NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 57. Ngày hiệu lực	43

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn vào doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày tháng 4 năm 2026.

Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

c. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

d. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

e. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

g. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

h. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

k. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

l. *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

m. *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

n. *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **LAI CHAU CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

- Điện thoại: 02133 876 297

- E-mail: nuocsachlaichau@gmail.com

- Website: Capnuoclaichau.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Phần đầu là doanh nghiệp đứng đầu ngành nước của tỉnh Lai Châu. Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định và từng bước phát triển trong hoạt động của Công ty.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước. Đảm bảo chất lượng nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Giảm lượng nước thất thoát, thất thu về mức trung bình chung của cả nước.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, từng bước tích lũy tài chính để mở rộng sản xuất và phát triển bền vững Công ty.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản trị điều hành hướng đến 1 doanh nghiệp bền vững và thân thiện.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã Ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Xây dựng nhà các loại	410
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	421
4	Xây dựng công trình công ích	422
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	429
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa; Lắp đặt lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán: Sắt thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị, vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, điện dân dụng và vật liệu xây dựng khác	4752
17	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	351
18	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11051
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	711
20	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này theo quy định pháp luật. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề

đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống ĐKKD quốc gia *dangkykinhdoanh.gov.vn*.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **215.865.140.000VNĐ**

(Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 21.586.514 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm mười bốn cổ phần)

- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000VNĐ *(Bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn)*

Trong đó:

+ Cổ phần nhà nước nắm giữ: 21.121.914 cổ phần

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phần)

Trị giá theo mệnh giá: 211.219.140.000 VNĐ

(Bằng chữ: Hai trăm mười một tỷ, hai trăm mười chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Tương đương: 97,85% vốn điều lệ.

+ Cổ phần cổ đông khác và cổ phiếu quỹ (nếu có): 464.600 cổ phần

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư nghìn, sáu trăm cổ phần)

Trị giá theo mệnh giá: 4.646.000.000VNĐ

(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng chẵn)

Tương đương: 2,15% vốn điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm

soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin địa chỉ cho Công ty khi đăng ký mua cổ phần và/hoặc khi thay đổi thông tin địa chỉ.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một

(01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

j. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

p. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t. Phê duyệt Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc

giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp

d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp

4. Các nghị quyết được thông qua khi số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này, Điều 17, và khoản 9 Điều 22 Điều lệ này.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Các quy định khác theo Thông báo của Công ty tại thời điểm gửi phiếu lấy ý kiến của cổ đông.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tất cả tài liệu có đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có);

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới

50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư vượt quá 15% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của Công ty;

d. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này;

e. Ủy quyền cho Giám đốc nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền;

f. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

g. Phê duyệt các dự án đầu tư trên cơ sở phương án đầu tư, dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua với điều kiện các khoản đầu tư không vượt quá 15% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. Chủ tịch HĐQT khi thông qua các nghị quyết, quyết định, vấn đề liên quan đến huy động vốn; cho vay vốn; hoạt động đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định; chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định 366/2025/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối giới Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và trong hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc;

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ những việc thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm làm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

8. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,

những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm

soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Phương án phân phối lợi nhuận:

+ Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

+ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

+ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp

+ Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

+ Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty nộp Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có) và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật (nếu có).

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định

của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII CON DẤU

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp:

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Công ty sử dụng số lượng con dấu: 02 con dấu.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả

các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2026 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vì Văn Chung